BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 155 /QĐ-BTC ngày 24 tháng 1 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	2.002225	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác), tổ chức khác.	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác có phát sinh nghĩa vụ với NSNN và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
2	1.008491	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024	Thuế	Cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		thuế là Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh và tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần lãi được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn (sau đây gọi chung là Người điều hành).	thuế là Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn	của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế		
3	1.008492	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí (bao gồm cả nhà thầu nhận phần lãi được chia), Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		được chia từ các hợp đồng dầu khí.	hợp đồng dầu khí.			
4	1.008493	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay với cơ quan thuế.	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay với cơ quan thuế.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế
5	1.008494	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao	Đăng ký thuế để cấp mã số thuế nộp thay đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức hợp tác kinh doanh với cá	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng; Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài; Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu	nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng (nếu có nhu cầu cấp mã số thuế riêng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh); Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài; Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu			

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
6	1.008495	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế
7	1.008496	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hóa, dịch vụ có thuế giá trị gia	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hóa, dịch vụ có thuế giá trị gia	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		tăng ở Việt Nam đế viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định quản lý chương trình, dự án ODA không hoán lại.	tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án OĐA, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định quản lý chương trình, dự án ODA không hoàn lại.			
8	1.007565	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
9	1.008498	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác. - Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập.	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
10	1.010241	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác. - Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhăn có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhăn đăng ký thuế trực tiếp	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			với cơ quan thuế.			
11	1.008500	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc qua cơ quan chi trả thu nhập	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
12	1.008499	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc trực	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		tiếp tại cơ quan thuế.				
13	1.008501	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế, Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân, Thông báo mã số thuế người phụ thuộc	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông bảo mã số thuế	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
14	1.008502	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc) thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý.	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[(1)]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[(2)]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			kinh doanh)			
15	1.008504	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc) thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý - Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan đăng ký	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			kinh doanh			
16	1.008505	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc) thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý - Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhăn kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến), trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
17	1.008503	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập.	chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cả nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập.	đăng ký Thuế		
18	1.010244	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế.	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhản có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhản (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
19	1.008506	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với nhà thầu, nhà đầu	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với nhà thầu, nhà đầu	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ	Thuế	Cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		tư dầu khí khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí	tư dầu khí khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí	trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế		
20	1.010694	Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi	Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
21	1.007042	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
22	1.008507	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác - Trừ đơn vị	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác và đơn vị phụ thuộc (trừ	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội duug sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		phụ thuộc.	trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	Tài chính quy định về đăng ký Thuế		
23	1.007043	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất; Chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã.	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất; Chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
24	1.008509	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, nhà thầu nước ngoài.	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với nhà thầu, nhà đấu tư tham gia hợp dồng dầu khí, nhá thầu nước ngoài.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế
25	1.007607	Chấm dứt hiệu lực mã sổ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ	Thuế	Chi cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			doanh do chấm dứt hoạt động kinh doanh; chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh	Tài chính quy định về đăng ký Thuế		
26	1.008510	Khôi phục mã số thuế	Khôi phục mã số thuế	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
27	1.008759	Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất tổ chức - Đối với tổ chức mới được chia, tổ chức được tách, tổ chức hợp nhất.	Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
28	2.002321	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức (Chuyển đơn vị phụ thuộc	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế[2]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) - Đối với đơn vị sau chuyển đổi.	thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại)	đăng ký Thuế		

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.006675	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
2	1.008490	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác), tổ chức khác.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế
3	3.000079	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài	Thuế	Chi cục Thuế

		khác.	chính quy định về đăng ký Thuế		
4	1.007566	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký thông qua hồ sơ khai thuế, chưa có mã số thuế.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
5	1.007572	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế dối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
6	1.010242	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý - Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
7	1.010243	Đăng ký thay dổi thông tin đăng ký thuế dối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài	Thuế	Chi cục Thuế

		khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý - Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến	chính quy định về đăng ký Thuế		
8	1.008508	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác - Đối với đơn vị phụ thuộc.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
9	1.008515	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế trong trường hợp tách, sáp nhập tổ chức - Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
10	1.008514	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong trường hợp chia, sáp nhập, hợp nhất tổ chức - Đối với tổ chức bị chia, tổ chức bị sáp nhập, tổ chức bị hợp nhất	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
11	1.008519	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) - Đối với đơn vị sau chuyển đổi	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

12	1.008518	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một dơn vị chủ quản khác) - Đối với đơn vị trước chuyển đổi	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
13	1.008517	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) - Đối với đơn vị trước chuyển đổi	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
14	1.008521	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) - Đối với đơn vị sau chuyển đổi.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
15	1.008520	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

		phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) - Đối với đơn vị trước chuyển đổi.			
16	1.010695	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân không kinh doanh thông qua hồ sơ khai thuế.	- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế

Ghi chú: *Các thủ tục hành chính nêu trên sửa đổi, thay thế 28 TTHC và bãi bỏ 16 TTHC đã được công bố tại Quyết định số 2589/QĐ-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.*

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác có phát sinh nghĩa vụ với NSNN và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh).

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày: Được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định thành lập hoặc văn bản tương đương; hoặc bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với tổ chức không thuộc diện đăng ký kinh doanh; hoặc phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định, gửi đến cơ quan thuế để làm thủ tục đăng ký thuế theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++ Tổ chức kinh tế, đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) theo quy định tại Điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế nơi tổ chức kinh tế, đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế đặt trụ sở.

++ Tổ hợp tác, tổ chức khác, đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác theo quy định tại Điểm b, c, n khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế nơi tổ chức, đơn vị phụ thuộc của tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Chi cục Thuế nơi tổ chức, đơn vị phụ thuộc của tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập hoặc nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận

và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi sổ văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan Thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành

chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

* Đối với tổ chức kinh tế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản (trừ tổ hợp tác):

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

* Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

- Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

- Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

- Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

* Đối với tổ chức khác là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản, tổ hợp tác:

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

* Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

- Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

- Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Tổ chức kinh tế bao gồm:

+++ Doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực chuyên ngành không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành

+++Đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang, tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội, xã hội-nghề nghiệp hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật nhưng không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh; tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu; văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; tổ hợp tác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác nhưng không thuộc trường hợp đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã.

+ Tổ chức khác bao gồm:

+++Tổ chức được thành lập bởi cơ quan có thẩm quyền không có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

+++Tổ chức khác có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế (dùng cho tổ chức) theo mẫu 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ Tờ khai đăng ký thuế (dùng cho đơn vị phụ thuộc) theo mẫu 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm báo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trường Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hường dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm

Mẫu số: **01-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho tổ chức)

☐ Tổ chức kinh tế ☐ Tổ chức khác ☐ Tổ chức được hoàn thuế ☐ Hợp đồng dầu khí ☐ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

1. Tên người nộp thuế:
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
2a. Tên:
2b. Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số: ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính	**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
3a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:	4a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
3b. Phường/Xã/Thị trấn:	4b. Phường/Xã/Thị trấn:
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
3đ. Điện thoại: 3e. Fax (nếu có):	4đ. Điện thoại: 4e. Fax (nếu có):
3g. Email: 3h. Website (nếu có):	4g. E-mail:

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có**

	thẩm quyền cấp
5a. Số quyết định:	6a. Số:
5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):	
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %

9. Ngày bắt đầu hoạt động: .../...../.....

10. Loại hình kinh tế

☐ Công ty cổ phần	☐ Doanh nghiệp tư nhân	☐ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	☐ Tổ hợp tác
☐ Công ty TNHH 1 thành viên	☐ Công ty hợp danh	☐ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	☐ Hợp tác xã
☐ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	☐ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	☐ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	☐ Cơ quan hành chính
☐ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		☐ Đơn vị sự nghiệp công lập	☐ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh

☐ Độc lập ☐ Phụ thuộc

☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất

12. Năm tài chính	Từ ngày .../... đến ngày .../...

13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có)	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức**
13a. Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐ 13b. Tên đơn vị đơn vị cấp trên:.....	14a. Họ và tên:..... 14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../..... 14d. Số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam):.... 14đ. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (đối với người nước ngoài): ☐ Hộ chiếu ☐ Giấy thông hành ☐ CMT biên giới ☐ Khác Số giấy tờ:..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:..... 14e. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... Phường/Xã/Thị trấn: ..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14g. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... Phường/Xã/Thị trấn: ..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14h. Thông tin khác: Điện thoại:.....Email:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT	☐ Khấu trừ	☐ Trực tiếp trên GTGT	☐ Trực tiếp trên doanh số	☐ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tín về các đơn vị liên quan

☐ Có công ty con, công ty thành viên	☐ Có đơn vị phụ thuộc	☐ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
☐ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc	☐ Có hợp dồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	

17. Thông tin khác	
17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):	***17.2. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có):***
a. Họ và tên:	a. Họ và tên:
b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:
c. Ngày thàng năm sinh:	c. Ngày tháng năm sinh:
d. Điện thoại liên lạc:	d. Điện thoại liên lạc:
đ. Email:	đ. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

☐ Chia ☐ Tách ☐ Hợp nhất ☐ Chuyển đơn vị phụ thuộc thành độc lập

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

……, ngày... /... /.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI ĐIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số.....

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-DK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- "Tổ chức kinh tế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này .

- "Tổ chức khác": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức được hoàn thuế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.

- "Hợp đồng dầu khí": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Thông tư này.

- "Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu": Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ tại chỉ tiêu 14đ và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Số điện thoại, số Fax (nếu có) ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất

liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thi ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định vả cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấp tờ tương đương do cơ qnan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chinh: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập vả hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngảnh nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng

loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Dánh dấu X vào một trong hai ô "Độc lập" hoặc "Phụ thuộc". Trường hợp tích chọn ô "Độc lập" thì tích chọn vào "Có BCTC hợp nhất" nếu thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, thàng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.

13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có): Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức; trường hợp người nộp thuế là công ty con thuộc Tập đoàn, Tổng công ty thì ghi tên, mã số thuế của Tập đoàn, Tổng công ty.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức: Kê khai thông tin chi tiết của người đại điện theo pháp luật/người đứng đầu của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân. Trường hợp người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức là người Việt Nam thì khai số định danh cá nhân tại chỉ tiêu 14d và không phải kê khai chỉ tiêu 14đ, 14e. Cơ quan thuế tự động tích hợp thông tin "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 14đ, 14e.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào ô tương ứng của chỉ tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:

- Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh đấu X vào ô "Có công ty con, công ty thành viên", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các công ty con, công ty thành viên" mẫu số BK01-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư đầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế cá nhân (đối với người nước ngoài), số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức đăng ký thuế do chia/tách/hợp nhất tổ chức, hoặc chuyển từ đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập thì đánh dấu X vào một trong các ô tương ứng của chỉ tiêu này và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đó của các tổ chức bị chia, bị tách, bị hợp nhất, đơn vị phụ thuộc bị chuyển đổi.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế:

Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này (trừ trường hợp nộp hồ sơ theo phương thức điện tử). Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai đăng ký thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **02-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế)

□ Chi nhánh □ Văn phòng đại diện □ Địa điểm kinh doanh

NNT ghi MST 10 số của đơn vị chủ quản vào các ô này

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:	Ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính	
3a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:	
3b. Phường/Xã/Thị trấn:	
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
3đ. Điện thoại:	3e. Fax (nếu có):
3g. E-mail:	3h. Website (nếu có):

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*	
4a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:	
4b. Phường/xã/Thị trấn:	
4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
4đ. Điện thoại:	4e. Fax (nếu có):
4g. E-mail:	

5. Quyết định thành lập
5a. Số quyết định:

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp
6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp:.../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):		
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng:	%
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng:	%
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng:	%
8.4. Vốn khác:	Tỷ trọng:	%

9. Ngày bắt đầu hoạt động:...../.../....

10. Loại hình kinh tế

☐ Công ty cổ phần	☐ Doanh nghiệp tư nhân	☐ VPDD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	☐ Tổ hợp tác
☐ Công ty TNHH 1 thành viên	☐ Công ty hợp danh	☐ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	☐ Hợp tác xã
☐ Công ty TNHH 2 thánh viên trở lên	☐ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	☐ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	☐ Cơ quan hành chính
☐ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	☐ Đơn vị sự nghiệp công lập	☐ Loại hình khác	

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh

☐ Độc lập ☐ Phụ thuộc

12. Năm tài chính	Từ ngày.../... đến ngày .../...

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đứng đầu đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh**
13a. Mã số thuế:	☐ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của tổ chức của Việt Nam
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực tiếp:	☐ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của thương nhân nước ngoài 14a. Họ và tên:.....

	14b. Chức vụ:.....14c. Sinh ngày: .../.../.... 14d. Số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam):..... 14đ. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (đối với người nước ngoài): □ Hộ chiếu □ Giấy thông hành □ CMT biên giới □ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp: ..... 14e. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... Phường/xã/Thị trấn:..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thánh phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14g. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... Phường/Xã/Thị trấn:..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14h. Thông tin khác Điện thoại:.....Email:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT

□ Khấu trừ □ Trực tiếp trên GTGT □ Trực tiếp trên doanh số □ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có địa điểm kinh doanh, □ Có hợp đồng với nhà thầu nước □ Có nhà thầu, nhà đầu tư

kho hàng phụ thuộc	ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	dầu khí

17. Thông tín khác		
17.1. Giám đốc (nếu có):		***17.2. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có):***
a. Họ và tên:		a. Họ và tên:
b. Mã số thuế cá nhân/Số định dành cá nhân:		b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:
c. Ngày tháng năm sinh:		c. Ngày tháng năm sinh:
d. Điện thoại liên lạc:		d. Điện thoại liên lạc:
đ. Email:		đ. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có)
□ Chia □ Tách □ Hợp nhất □ Chuyển đơn vị độc lập thánh đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác □ Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của đơn vị chủ quán khác
Mã số thuế trước khi tổ chức lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI ĐIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 02-ĐK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Số điện thoại, số Fax (nếu có) thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.
- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.
- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.
- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.
- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

Nếu trên Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp có vốn thì ghi (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn), nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị chủ quản hoặc đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị phụ thuộc.

14. Thông tin người đứng đầu đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh: Kê khai thông tin chi tiết của người đứng đầu đơn vị phụ thuộc/địa diểm kinh doanh của tổ chức. Trường hợp người đứng đầu đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh là người Việt Nam thì khai số định danh cá nhân tại chỉ tiêu 14d và không phải kê khai chỉ tiêu 14đ, 14e. Cơ quan thuế tự động tích hợp thông tin "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 14đ, 14e.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào ô tương ứng của chỉ tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị liên quan:

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.
- Nếu người nộp thuế có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.
- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam)

hoặc mã số thuế cá nhân (đối với người nước ngoài), số điện thoại liên lạc và email của Giám đốc và Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức (nếu có): Nếu người nộp thuế đăng ký thuế do chia/tách/hợp nhất tổ chức, hoặc chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác, hoặc chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của đơn vị chủ quản khác thì đánh dấu X vào một trong các ô tương ứng của chỉ tiêu này và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đó của đơn vị phụ thuộc của các tổ chức kinh tế bị chia, bị tách, bị hợp nhất, đơn vị bị chuyển đổi.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế: Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này (trừ trường hợp nộp hồ sơ theo phương thức điện tử). Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai đăng ký thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK01-ĐK-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các công ty con, công ty thành viên

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Mã số thuế (nếu có)	Tên công ty con, công ty thành viên	Địa chỉ của công ty con, công ty thành viên	Vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên	Loại tiền (VNĐ/USD)	Tỷ lệ vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên (%)
I	**Công ty con**					
1						
2						
...						
II	**Công ty thành viên**					
1						
2						
...						

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI ĐIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK02-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập
1				
2				
...				

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập	Số nhà, đường phố (thôn/ xóm)	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
....							
....							
....							
....							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									
...									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI ĐIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI ĐIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK06-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Góp vốn của tổ chức, cá nhân

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có):

STT	Tên tổ chức, cá nhân góp vốn vào người nộp thuế	Quốc tịch đối với cá nhân góp vốn	Địa chỉ trụ sở của tổ chức góp vốn	Số tiền (VNĐ)	Mã số thuế (nếu có)	Số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc quyết định thành lập của tổ chức góp vốn	Số CMND/ CCCĐ của cá nhân góp vốn
1							
2							
...							
Tổng cộng				X			

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

2. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, hiệp định dầu khí thì người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định, gửi đến Cục thuế nơi đặt trụ sở hoặc Cục Thuế doanh nghiệp lớn trong trường hợp người nộp thuế được phân công cho Cục Thuế doanh nghiệp lớn quản lý để làm thủ tục đăng ký thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư, hoặc Giấy phép đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- **Thời hạn giải qnyết:** 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh và tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần lãi được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ Bàng kê nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch diện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế của Bộ Tài chính.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- **Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

Mẫu số: **01-ĐK-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
(Dùng cho tổ chức)

☐ Tổ chức kinh tế | ☐ Tổ chức khác | ☐ Tổ chức được hoàn thuế | ☐ Hợp đồng dầu khí | ☐ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

1. Tên người nộp thuế:
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
2a. Tên:
2b. Mã số thuế:
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số: ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính	**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
3a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:	4a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
3b. Phường/Xã/Thị trấn:	4b. Phường/Xã/Thị trấn:
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
3đ. Điện thoại: 3e. Fax (nếu có):	4đ. Điện thoại: 4e. Fax (nếu có):
3g. Email: 3h. Website (nếu có):	4g. E-mail:

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
5a. Số quyết định:	6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):

8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %

9. Ngày bắt đầu hoạt động: .../...../.....

10. Loại hình kinh tế

☐ Công ty cổ phần	☐ Doanh nghiệp tư nhân	☐ VPĐĐ của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	☐ Tổ hợp tác
☐ Công ty TNHH 1 thành viên	☐ Công ty hợp danh	☐ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	☐ Hợp tác xã
☐ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	☐ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	☐ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	☐ Cơ quan hành chính
☐ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		☐ Đơn vị sự nghiệp công lập	☐ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh

☐ Độc lập ☐ Phụ thuộc

☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất

12. Năm tài chính	Từ ngày .../... đến ngày .../...

13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có)	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức**
13a. Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐ 13b. Tên đơn vị đơn vị cấp trên:.....	14a. Họ và tên:..... 14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../..... 14d. Số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam):.... 14đ. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (đối với người nước ngoài): ☐ Hộ chiếu ☐ Giấy thông hành ☐ CMT biên giới ☐ Khác Số giấy tờ:..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:..... 14c. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... Phường/Xã/Thị trấn: ..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14g. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... Phường/Xã/Thị trấn: ..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14h. Thông tin khác: Điện thoại:.....Email:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT	☐	Khấu trừ	☐	Trực tiếp trên GTGT	☐	Trực tiếp trên doanh số	☐ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

☐ Có công ty con, công ty thành viên	☐ Có đơn vị phụ thuộc	☐ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
☐ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc	☐ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):	*17.2. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có):*
a. Họ và tên:	a. Họ và tên:
b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:
c. Ngày tháng năm sinh:	c. Ngày tháng năm sinh:
d. Điện thoại liên lạc:	d. Điện thoại liên lạc:
đ. Email:	đ. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

☐ Chia ☐ Tách ☐ Hợp nhất ☐ Chuyển đơn vị phụ thuộc thành độc lập

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

……, ngày... /... /...:...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số.....

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-DK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- "Tổ chức kinh tế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này .

- "Tổ chức khác": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức được hoàn thuế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.

- "Hợp đồng dầu khí": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.

- "Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu": Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ tại chỉ tiêu 14đ và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy dủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Số điện thoại, số Fax (nếu có) ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất

liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông bảo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hảng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng

loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thi ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toàn kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô "Độc lập" hoặc "Phụ thuộc". Trường hợp tích chọn ô "Độc lập" thì tích chọn vào "Có BCTC hợp nhất" nếu thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.

13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có): Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức; trường hợp người nộp thuế là công ty con thuộc Tập đoàn, Tổng công ty thì ghi tên, mã số thuế của Tập đoàn, Tổng công ty.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật/người đứng đầu của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân. Trường hợp người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức là người Việt Nam thì khai số định danh cá nhân tại chỉ tiêu 14d và không phải kê khai chỉ tiêu 14đ, 14e. Cơ quan thuế tự động tích hợp thông tin "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 14đ, 14e.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào ô tương ứng của chỉ tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:

- Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh dấu X vào ô "Có công ty con, công ty thành viên", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các công ty con, công ty thành viên" mẫu số BK01-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT.

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng [illegible] năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế cá nhân (đối với người nước ngoài), số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức đăng ký thuế do chia/tách/hợp nhất tổ chức, hoặc chuyển từ đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập thì đánh dấu X vào một trong các ô tương ứng của chỉ tiêu này và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đó của các tổ chức bị chia, bị tách, bị hợp nhất; đơn vị phụ thuộc bị chuyển đổi.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế:

Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này (trừ trường hợp nộp hồ sơ theo phương thức điện tử). Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai đăng ký thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

BẢNG KÊ

Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

3. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt

Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, hiệp định dầu khí, người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định, gửi đến Cục thuế nơi đặt trụ sở hoặc Cục Thuế doanh nghiệp lớn trong trường hợp người nộp thuế được phân công cho Cục Thuế doanh nghiệp lớn quản lý để làm thủ tục đăng ký thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi sổ văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin

điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:* Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy dủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chinh: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế của Bộ Tài chính.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quân lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- **Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo:**

Mẫu số: **02-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế)

□ Chi nhánh □ Văn phòng đại diện □ Địa điểm kinh doanh

NNT ghi MST 10 số của đơn vị chủ quản vào các ô này

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:	Ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính	
3a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:	
3b. Phường/Xã/Thị trấn:	
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
3đ. Điện thoại:	3e. Fax (nếu có):
3g. E-mail:	3h. Website (nếu có):

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*	
4a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:	
4b. Phường/xã/Thị trấn:	
4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
4đ. Điện thoại:	4e. Fax (nếu có):
4g. E-mail:	

5. Quyết định thành lập

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp

5a. Số quyết định:	6a. Số:
5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp:.../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):		
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng:	%
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng:	%
8.3. Vốn tư nhàn:	Tỷ trọng:	%
8.4. Vốn khác:	Tỷ trọng:	%

9. Ngày bắt đầu hoạt động:...../.../....

10. Loại hình kinh tế

☐ Công ty cổ phần	☐ Doanh nghiệp tư nhân	☐ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	☐ Tổ hợp tác
☐ Công ty TNHH 1 thành viên	☐ Công ty hợp danh	☐ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	☐ Hợp tác xã
☐ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	☐ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	☐ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	☐ Cơ quan hành chính
☐ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		☐ Đơn vị sự nghiệp công lập	☐ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh

☐ Độc lập ☐ Phụ thuộc

12. Năm tài chính	Từ ngày.../... đến ngày .../...

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đứng đầu đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh**
13a. Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐	☐ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của tổ chức của Việt Nam ☐ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của thương nhân nước ngoài
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực tiếp:	14a. Họ và tên:.....

	14b. Chức vụ:.....14c. Sinh ngày: .../.../....
	14d. Số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam):.....
	14đ. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (đối với người nước ngoài):
	□ Hộ chiếu □ Giấy thông hành
	□ CMT biên giới □ Khác
	Số giấy tờ: .....
	Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp: .....
	14e. Địa chỉ nơi thường trú:
	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....
	Phường/xã/Thị trấn:.....
	Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:.....
	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....
	Quốc gia:.....
	14g. Địa chỉ hiện tại (nếu có):
	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....
	Phường/Xã/Thị trấn:.....
	Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:.....
	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....
	Quốc gia:.....
	14h. Thông tin khác
	Điện thoại:.....Email:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT

□ Khấu trừ □ Trực tiếp trên GTGT □ Trực tiếp trên doanh số □ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có địa điểm kinh doanh, □ Có hợp đồng với nhà thầu nước □ Có nhà thầu, nhà đầu tư

kho hàng phụ thuộc	ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	dầu khí

17. Thông tin khác	
17.1. Giám đốc (nếu có):	***17.2. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có):***
a. Họ và tên:	a. Họ và tên:
b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:
c. Ngày tháng năm sinh:	c. Ngày tháng năm sinh:
d. Điện thoại liên lạc:	d. Điện thoại liên lạc:
đ. Email:	đ. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có)

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

□ Chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác

□ Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của đơn vị chủ quản khác

Mã số thuế trước khi tổ chức lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 02-ĐK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt

Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Số điện thoại, số Fax (nếu có) thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối

với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

Nếu trên Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp có vốn thi ghi (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn), nếu không có vốn thi để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị chủ quản hoặc đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị phụ thuộc.

14. Thông tin người đứng đầu đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh: Kê khai thông tin chi tiết của người đứng đầu đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của tổ chức. Trường hợp người đứng đầu đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh là người Việt Nam thì khai số định danh cá nhân tại chỉ tiêu 14d và không phải kê khai chỉ tiêu 14đ, 14e. Cơ quan thuế tự động tích hợp thông tin "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 14đ, 14e.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào ô tương ứng của chỉ tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị liên quan:

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thi đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Báng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu,

nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế cá nhân (đối với người nước ngoài), số điện thoại liên lạc và email của Giám đốc và Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức (nếu có): Nếu người nộp thuế đăng ký thuế do chia/tách/hợp nhất tổ chức, hoặc chuyển đơn vị độc lập thánh đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác, hoặc chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của đơn vị chủ quản khác thì đánh dấu X vào một trong các ô tương ứng của chỉ tiêu nảy và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đó của đơn vị phụ thuộc của các tổ chức kinh tế bị chia, bị tách, bị hợp nhất, đơn vị bị chuyển đổi.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại điện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế: Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này (trừ trường hợp nộp hồ sơ theo phương thức điện tử). Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thi chưa phải đóng dấu trên tờ khai đăng ký thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

4. Dăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay với cơ quan thuế.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngảy ký hợp đồng nhận thầu đối với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài kê khai nộp thuế nhà thầu trực tiếp với cơ quan thuế; phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập cả nhân, phát sinh nghĩa vụ khác với ngân sách nhà nước, nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp hồ sơ đến Cục Thuế nơi đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) đế khai tờ khai và

gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và dóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi sổ văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của phập luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập vả gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bản sao Giấy xác nhận đăng ký văn phòng điều hành hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay với cơ quan thuế.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

TAX REGISTRATION FORM

(Dùng cho các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, Ban điều hành liên danh)

(Use for contractor/sub-contractor/management board)

☐ Kê khai - nộp thuế nhà thầu ☐ Kê khai-nộp các loại thuế khác

1. Tên nhà thầu nước ngoài/nhà thầu phụ nước ngoài/Ban điều hành liên danh: Name of contractor/ sub-contractor/management board
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có): Tax agent (if any)
2a. Tên (Name)
2b. Mã số thuế (TIN of Tax agent)
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày Tax agent contract: Number Date

3. Quốc tịch (Nationality):

4. Địa chỉ trụ sở chính: Address of the head office	**5. Địa chỉ văn phòng điều hành tại Việt Nam** Address of management office in Vietnam
	5a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm: Street number, Street name or Commune
	5b. Phường/Xã: Ward
Điện thoại (Tel): Fax: Email:	5c. Quận/Huyện: District
	5d. Tỉnh/Thành phố:

	Province/City
	5e. Điện thoại (Tel): Fax: Email:

6. Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam Business licence in Vietnam	**7. Hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ** Contract for Contractor/Sub-Contractor operation in Vietnam
6a. Số giấy phép: Number	
6b. Ngày cấp: …./…./…….. Date	7a. Số: Number
6c. Cơ quan cấp: Granted by	7b. Ngày: …../…./……. Date

7c. Ký với: Signed with Mã số NNT tại Việt Nam (nếu có): Tax payers identification number in Vietnam (if any)

8. Mục tiêu hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Contract objectives

9. Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng Location of according to the contract

10. Thời gian thực hiện hợp đồng Contract duration
Từ: ……/…… đến ……./…….

From: ...../..... to ...../.....

11. Nhà thầu phụ nước ngoài

Do you have sub-contractor?

☐ Có / Yes ☐ Không / No

12. Thông tin người đại diện của nhà thầu nước ngoài (hoặc nhà thầu phụ nước ngoài):

Information of representative of contractor (or sub-contractor)

12a. Tên người đại diện theo pháp luật:

Name of representative of contractor (or sub-contractor)

12b. Chức vụ:.....

Possition

12c. Chứng từ chứng thực cá nhân: Số giấy chứng thực cá nhân..... Ngày cấp..... Ngày hết hạn:.....Nơi cấp.....

Passport or Identify number:..... Date of Issue ..... Date of Expiration ..... Place of Issue .....

12d. Địa chỉ tại Việt Nam:

Address of representative of contractor (or sub-contractor) in Vietnam

- Số nhà/Đường phố:

  Street number, Street name or Commune

  Phường/xã:

  Ward

  Quận/Huyện:

  District

  Tỉnh/Thành phố:

  Province/City

12e. Thông tin khác:

Others

Điện thoại (tel): /Fax:

Email: Website:

13. Phương pháp tính thuế GTGT VAT calculation method	☐ Khấu trừ Deduction method	☐ Trực tiếp trên GTGT Directly method

14. Phương pháp tính thuế TNDN CIT calculation method	☐ Doanh thu, chi phí Revenues, expenses	☐ Trực tiếp trên doanh thu Directly method

15. Năm tài chính **Finacial year**	Từ ngày .../...	đến ngày .../... From: dd....mm... yy... To: dd....mm... yy...

16. Tài liệu kèm thco Attachments

Cam kết của Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu nước ngoài phụ thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp về thuế, nộp kịp thời và đầy đủ các khoản thuế phát sinh, đảm bảo việc khấu trừ và nộp đủ các khoản thuế của Nhà thầu và người lao động làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng.

Contractors, sub-contractors commit to observe all tax laws, timely and fully pay taxes, ensure to withhold and pay full tax dues of sub-contractors and employees involved in the contract in Vietnam.

..., ngày: ...../...../.....
..., date: ...../...../.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Staff of tax agent
Họ và tên:.....
Name
Chứng chỉ hành nghề số:.....
Certificate number

NGƯỜI ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI/NHÀ THẦU PHỤ NƯỚC NGOÀI/BAN ĐIỀU HÀNH LIÊN DANH
Representative of contractor (or sub-contractor)
(Signature)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 04-DK-TCT

GUIDANCE FOR DECLARATION

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

Contractor/sub-contractor/management board select one of the appropriate boxes before declare detail information, as follows:

- "Kê khai-nộp thuế nhà thầu": Áp dụng cho trường hợp nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, Ban điều hành liên danh trực tiếp kê khai và nộp thuế nhà thầu với cơ quan thuế (thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của pháp luật về thuế nhà thầu nước ngoài và pháp luật về quản lý thuế) .

"Contractor tax declartion and payment": Applicable to the Contractor/sub-contractor/management board direct contractor tax declartion and payment and submit to tax department (VAT, CIT in accordance with the contractor tax law and tax managment law).

- "Kê khai - nộp các loại thuế khác": Áp dụng cho trường hợp nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài,... với cơ quan thuế và được Bên Việt Nam kê khai, khấu trừ, nộp thay thuế nhà thầu nước ngoài theo quy định của pháp luật về thuế nhà thầu nước ngoài và pháp luật về quản lý thuế.

"Other tax and fee declartion and payment": Applicable to the Contractor/sub-contractor/management board direct PIT, other fees declartion and payment and submit to tax department and Vietnamese parties deduct and pay on behalf of contractor/sub-contractor about VAT, CIT in accordance with the contractor tax law and tax managment law.

1. Tên nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, Ban điều hành liên danh: Ghi đầy đủ tên (kể cả viết tắt) của Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ hoặc Ban điều hành liên danh tham gia các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không theo các hình thức quy định tại Luật Đầu tư.

Name of contractor/sub-contractor/management board: Write full name (including abbreviated name) of contractor or sub-contractor or management board doing business in Vietnam under the form not stipulated in the Law of Invesment.

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

Information of Tax agent: Write name, TIN, contract (number, date).

3. Quốc tịch: Ghi rõ quốc tịch của Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài.

Nationality: Fill in clearly the nationality of the contractor/sub-contractor/management

board.

4. Địa chỉ trụ sở chính: Nếu người nộp thuế là cá nhàn thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi cá nhân cư trú.

Nếu người nộp thuế là tổ chức hoặc công ty thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi đặt trụ sở chính.

Address of head office:

If contractor/sub-contractor is an idividual, fill in address, telephone number, fax number of residency.

If contractor/sub-contractor is an organisation or company, fill in address, telephone number, fax number of the head office.

5. Địa chỉ văn phòng điều hành tại Việt Nam:

Nếu người nộp thuế là cá nhân thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi cá nhân cư trú tại Việt Nam để điều hành hoạt động.

Nếu người nộp thuế là các tổ chức hoặc công ty thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi đặt trụ sở văn phòng điều hành tại Việt Nam.

Address of Management office in Vietnam:

If contractor/sub-contractor is an idividual, fill in address, telephone number, fax number of the individual residing in Vietnam to do business.

If contractor/sub-contractor is an organisation or company, fill in address, telephone number, fax number of the management office in Vietnam.

6. Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam: Căn cứ vào giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp (nếu có) để điền vào các chỉ tiêu tương ứng.

Business license in Vietnam:

Based on the business license granted by the competent Goverment authority, fill in the relevant items in the form (if any).

7. Hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài: Căn cứ vào hợp đồng được ký kết mà điền vào các chỉ tiêu cho phù hợp. Chỉ kê khai nếu tích chọn "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Contract for contractor/sub-contractor operation in Vietnam: Based on the signed contract, fill in the relevant items in the form if select "Contractor tax declartion and payment".

8. Mục tiêu hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng: Ghi cụ thể từng mục tiêu hoạt động của hợp đồng. Chỉ kê khai nếu tích chọn "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Contract objectives: Declare each operation objective of the contract concretely if select "Contractor tax declartion and payment".

9. Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng: Ghi cụ thể các địa điểm tiến hành

công việc theo hợp đồng. Trong trường hợp tiến hành công việc tại nhiều địa phương khác nhau thi phải kê khai đầy đủ các địa diểm tiến hành công việc tại địa phương đó. Chỉ kê khai nếu tích chọn "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Location of business according to the contract: Declare each operation location of the contract concretely. In case of doing business at many different location, contractor/sub-contract has to declare fully the location to do business if select "Contractor tax declartion and payment".

10. Thời gian thực hiện hợp đồng: Ghi rõ thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng, năm đến tháng, năm. Chỉ kê khai nếu tích chọn "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Contract duration: Fill inclearly contract duration from month, year to month, year if select "Contractor tax declartion and payment".

11. Nhà thầu phụ nước ngoài: Nếu có các Nhả thầu phụ nước ngoài thực hiện một phần hợp đồng yêu cầu kê khai đầy đủ các Nhà thầu phụ nước ngoài theo bàng kê mẫu số BK04-ĐK-TCT đính kèm tờ khai đăng ký thuế.

Do you have sub-contractor: If there are sub-contractors taking part in the contract, please declare fully in the Sub-contracor form of BK04-ĐK-TCT declare attached.

12. Thông tin người đại diện của nhà thầu nước ngoài (hoặc nhà thầu phụ nước ngoài): Ghi rõ thông tin về người đại diện của nhà thầu (hoặc nhà thầu phụ).

Đeclare information of representative of contractor (or sub-contractor)

13. Phương pháp tính thuế GTGT: Người nộp thuế kê khai thông tin về phương pháp tính thuế GTGT nếu tích chọn vào ô "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Declare information of VAT calculation method if select "Contractor tax declartion and payment"

14. Phương pháp tính thuế TNDN: Người nộp thuế kê khai thông tin về phương pháp tính thuế TNDN nếu tích chọn vào ô "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Declare information of CIT calculation method if select "Contractor tax declartion and payment"

15. Năm tài chính: Người nộp thuế kê khai thông tin về năm tài chính là năm dương lịch. Trường hợp

năm tải chính khác năm dương lịch thì kê khai thông tin từ quý bắt đầu đến quý kết thúc năm tài chính và năm tài chính phải tròn 12 tháng.

Declare information of finacial year (From ... to ...) is calendar year. If finacial year is different from calendar year, declare information is from quarter to quarter and finacial year must be full 12 months.

16. Tài liệu kèm theo: Ghi các tài liệu gửi cho cơ quan thuế kèm theo tờ khai đăng ký thuế.

Attachments: List all documents attached to the Tax Registration Form

17. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế

thì kê khai vào thông tin này.

Staff tax agent: Staff tax agent derclare name and certificate number on this area if tax agent derclare onbehalf of contractor/sub-contractor.

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									
...									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

5. Đăng ký thuế để cấp mã số thuế nộp thay đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng (nếu có nhu cầu cấp mã số thuế riêng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh); Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài; Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày: Phát sinh trách nhiệm khấu trừ thuế và nộp thuế thay theo hợp đồng, văn bàn hợp tác kinh doanh; Uỷ nhiệm thu theo quy định của Luật quản lý thuế, người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ dăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định sau đó gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc tại cơ quan thuế ký hợp đồng ủy nhiệm thu để làm thủ tục đăng ký thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin diện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy dịnh của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa dầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

* Đối với tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số 04.1-ĐK-TCT-BK ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

* Đối với Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh.

* Đối với Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài, gồm: Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

* Đối với tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu, gồm: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.4-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ* sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo mã số thuế nộp thay.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số 04.1-ĐK-TCT-BK ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.4-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh

vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **04.1-ĐK-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho tổ chức, cá nhân khấu trừ, nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, nhà cung cấp nước ngoài; tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức hợp tác kinh doanh với tổ chức)

☐ Nộp thay NTNN
☐ Nộp thay NCCNN
☐ Tổ chức hợp tác kinh doanh với tổ chức
☐ Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân

1. Tên tổ chức, cá nhân (Bên Việt Nam/Hợp tác kinh doanh/khác):
2. Mã số thuế đã được cấp:
3. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
3a. Tên
3b. Mã số thuế
3c. Hợp đồng đại lý thuế: Số **Ngày:**

4. Địa chỉ trụ sở
4a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:
4b. Phường/xã:
4c. Quận/ Huyện:
4d. Tỉnh/ Thành phố:
4e. Điện thoại: /Fax: Email:

5. Địa chỉ nhận thông báo của cơ quan thuế (chỉ khai thông tin này nếu khác địa chỉ trụ sở)
5a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:
5b. Phường/xã:
5c. Quận/ Huyện:
5d. Tỉnh/ Thành phố:
5e. Điện thoại: /Fax: Email:

6. Thông tin về người đại diện theo pháp luật	
6a. Tên:	6b. Địa chỉ:
6c. Điện thoại/ Fax:	6d. Email:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
	ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Họ và tên:.....	
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)*

Mẫu số: **04.1-ĐK-TCT-BK**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam

(Kèm theo Mẫu số 04.1-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng (số tiền hoặc tỷ lệ %)	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có)	Tên nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng	NTNN đề nghị cấp MST (đánh dấu "x")
						Quận/huyện	Tỉnh/thành phố		

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **04.4-ĐK-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu)

1. Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế úy nhiệm thu:
2. Mã số thuế đã được cấp:

3. Hợp đồng ủy nhiệm thu
a. Số:
b. Ngày:
c. Tên cơ quan thuế ủy nhiệm thu:
d. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày … đến ngày …

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

..., ngày... /... /.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI ĐIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

6. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh yêu cầu được hoàn thuế, NNT thực hiện nộp hồ sơ đến Cục Thuế nơi đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi sổ văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông bảo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-

VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Giấy xác nhận của Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quán lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: 06-ĐK-TCT
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
TAX REGISTRATION FORM

(Dùng cho các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế)
(Use for diplomatic, consulate, international organization)

1. Tên cơ quan đại diện Name of missions

2. Trụ sở tại Việt Nam Address in Vietnam		
2a. Số nhà, dường phố, thôn xóm: Number, Street name		
2b. Phường/ xã: Ward		
2c. Quận/ Huyện: District		
2d. Tỉnh/ Thành phố: Province/ City		
2e. Điện thoại: Tel	Fax:	Email:

3. Tài liệu kèm theo:

Attachments

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./

..., ngày...../...../.....
..., date ...../...../.....
TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẠI ĐIỆN HOẶC
PHÓ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
Head or Deputy Head of Mission
Ký tên
Signature

7. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hóa, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA, tổ chức do phia nhà tài trợ nước ngoài chỉ định quán lý chương trinh, dự án ODA không hoàn lại.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh yêu cầu được hoàn thuế, tổ chức, cá nhân thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng thực hiện nộp hồ sơ đến Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân có địa chỉ thường trú tại Việt Nam.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo báng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mả người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sờ Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:* Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngảy cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tớ khai: Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trường Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **01-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho tổ chức)

☐ Tổ chức kinh tế ☐ Tổ chức khác ☐ Tổ chức được hoàn thuế ☐ Hợp đồng dầu khí ☐ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

1. Tên người nộp thuế:
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
2a. Tên:
2b. Mã số thuế:
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số: ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính	**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
3a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:	4a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
3b. Phường/Xã/Thị trấn:	4b. Phường/Xã/Thị trấn:
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
3đ. Điện thoại: 3e. Fax (nếu có):	4đ. Điện thoại: 4e. Fax (nếu có):
3g. Email: 3h. Website (nếu có):	4g. E-mail:

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
5a. Số quyết định:	6a. Số:
5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):	
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %

9. Ngày bắt đầu hoạt động:
.../...../.....

10. Loại hình kinh tế

☐ Công ty cổ phần	☐ Doanh nghiệp tư nhân	☐ VPĐĐ của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	☐ Tổ hợp tác
☐ Công ty TNHH 1 thành viên	☐ Công ty hợp danh	☐ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	☐ Hợp tác xã
☑ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	☐ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	☐ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	☐ Cơ quan hành chính
☐ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		☐ Đơn vị sự nghiệp công lập	☐ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh

☐ Độc lập ☐ Phụ thuộc

☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất

12. Năm tài chính	Từ ngày .../... đến ngày .../...

13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có)	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức**
13a. Mã số thuế:	14a. Họ và tên:..... 14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../.....

13b. Tên đơn vị đơn vị cấp trên:.....	14d. Số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam):.... 14đ. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (đối với người nước ngoài): ☐ Hộ chiếu ☐ Giấy thông hành ☐ CMT biên giới ☐ Khác Số giấy tờ:..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:..... 14e. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... Phường/Xã/Thị trấn: ..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14g. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... Phường/Xã/Thị trấn: ..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14h. Thông tin khác: Điện thoại:.....Email:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT	☐	Khấu trừ	☐	Trực tiếp trên GTGT	☐	Trực tiếp trên doanh số	☐ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

☐ Có công ty con, công ty thành viên	☐ Có đơn vị phụ thuộc	☐ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
☐ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc	☐ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):	*17.2. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có):*
a. Họ và tên:	a. Họ và tên:
b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:
c. Ngày tháng năm sinh:	c. Ngày tháng năm sinh:
d. Điện thoại liên lạc:	d. Điện thoại liên lạc:
đ. Email:	đ. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

☐ Chia ☐ Tách ☐ Hợp nhất ☐ Chuyển đơn vị phụ thuộc thành độc lập

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

……, ngày... /... /.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số.....

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- "Tổ chức kinh tế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này .

- "Tổ chức khác": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức được hoàn thuế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.

- "Hợp đồng dầu khí": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.

- "Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu": Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ tại chỉ tiêu 14đ và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Số điện thoại, số Fax (nếu có) ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKĐ: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phản loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có

thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô "Độc lập" hoặc "Phụ thuộc". Trường hợp tích chọn ô "Độc lập" thi tích chọn vào "Có BCTC hợp nhất" nếu thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.

13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có): Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức; trường hợp người nộp thuế là công ty con thuộc Tập đoàn, Tổng công ty thì ghi tên, mã số thuế của Tập đoàn, Tổng công ty.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật/người đứng đầu của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân. Trường hợp người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức là người Việt Nam thì khai số định danh cá nhân tại chỉ tiêu 14d và không phải kê khai chỉ tiêu 14đ, 14e. Cơ quan thuế tự động tích hợp thông tin "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 14đ, 14e.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào ô tương ứng của chỉ tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:

- Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thi đánh dấu X vào ô "Có công ty con, công ty thành viên", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các công ty con, công ty thành viên" mẫu số BK01-DK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước

ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì dánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế cá nhân (đối với người nước ngoài), số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức đăng ký thuế do chia/tách/hợp nhất tổ chức, hoặc chuyển từ đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập thì đánh dấu X vào một trong các ô tương ứng của chỉ tiêu này và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đó của các tổ chức bị chia, bị tách, bị hợp nhất, đơn vị phụ thuộc bị chuyển đổi.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế:

Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này (trừ trường hợp nộp hồ sơ theo phương thức điện tử). Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai đăng ký thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

8. ĐKT lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày: Bắt đầu hoạt động kinh doanh, người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế dầy đủ theo đúng quy định gửi đến Chi cục Thuế để làm thủ tục đăng ký thuế theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++ Tại Chi cục Thuế hoặc Chi cục Thuế khu vực nơi đặt địa diểm kinh doanh trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh cố định, hoặc nơi cá nhân có bất động sán cho thuê.

++ Tại Chi cục Thuế hoặc Chi cục Thuế khu vực nơi cư trú của cả nhân kinh doanh trong trường hợp cá nhân kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định.

++ Đối với trường hợp hố sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tìn điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày

19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Đối với hộ gia đình, cá nhân có hoạt động kinh doanh là người Việt Nam:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính hoặc hồ sơ khai thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

++ Đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính hoặc hồ sơ khai thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

+++ Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân. Trường hợp cá nhân đã đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 theo quy định tại khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 và Điều 14 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP để thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế thì không phải nộp bản sao hộ chiếu nếu đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

++ Đối với hoặc cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài, cá nhân kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính hoặc hồ sơ khai thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

+++ Bản sao giấy tờ có giá trị sử dụng đối với cá nhân kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới. Trường hợp cá nhân đã đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 theo quy định tại khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 và Điều 14 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP để thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế thì không phải nộp bản sao hộ chiếu nếu đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cá nhân/đại diện hộ gia đình là người Việt Nam phải kê khai các thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân của mình chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trường hợp chưa được cấp số định danh cá nhân thì cá nhân phải liên hệ với cơ quan Công an cấp xã để thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp số định danh cá nhân trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế.

+ Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đủng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: 03-ĐK-TCT
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân kinh doanh)

□ Hộ gia đình kinh doanh

□ Cá nhân kinh doanh

□ Cá nhân kinh doanh của nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hoàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu

I. Thông tin cá nhân/đại diện hộ gia đình

<Trường hợp cá nhân/đại diện hộ gia đình là người Việt Nam:>

1. Họ và tên:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....

3. Số định danh cá nhân:.....

4. Điện thoại liên hệ:.....

5. Email:.....

6. Số định danh cá nhân đã cấp trước đó (trong trường hợp cá nhân được xác lập lại số định danh cá nhân):.....

<Trường hợp cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam đang sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân:>

1. Họ và tên:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....

3. Giới tính: □ Nam □ Nữ

4. Quốc tịch:.....

5. Giấy tờ pháp lý *(kê khai một trong các loại giấy tờ):*

- Số hộ chiếu: .....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
- Số giấy thông hành: .....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
- Số CMND biên giới: .....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
- Số giấy tờ chứng thực cá nhân khác:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

6. Địa chỉ thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Phường/Xã/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....

7. Địa chỉ hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Phường/Xã/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....

8. Thông tin khác:

8a. Điện thoại liên hệ:.....

8b. Email:.....

II. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

1. Tên:.....

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Hợp đồng đại lý thuế: Số:.....Ngày:.....

III. Thông tin về hoạt động kinh doanh

1. Tên cửa hàng/thương hiệu:.....

2. Địa chỉ kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Phường/Xã/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....

Điện thoại (nếu có):.....Fax (nếu có):.....Email (nếu có):.....

3. Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ kinh doanh):*

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Phường/Xã/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thánh phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....

Điện thoại (nếu có):.....Fax (nếu có):.....Email (nếu có):.....

4. Ngành nghề kinh doanh chính:.....

5. Ngày bắt đầu hoạt động:...../...../.....

6. Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 2 phương pháp):

□ Phương pháp kê khai □ Phương pháp khoán

Tôi cam kết những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ...tháng ... năm ...

ĐẠI ĐIỆN HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN KINH DOANH *(Ký và ghi rõ họ tên)*

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI
MẪU SỐ 03-DK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- Hộ gia đình kinh doanh

- Cá nhân kinh doanh

- Cá nhân kinh doanh của nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hoàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu

I. Thông tin cá nhân/chủ hộ kinh doanh

- Trường hợp cá nhân/đại diện hộ gia đình là người Việt Nam thì kê khai vào các chỉ tiêu từ 1 đến 5 bên dưới:

1. Họ và tên: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên cá nhân/đại diện hộ gia đình đăng ký thuế.

2. Ngày, tháng, năm sinh: Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của cá nhân/đại diện hộ gia đình đăng ký thuế.

3. Số định danh cá nhân: Ghi số định danh của cá nhân/dại diện hộ gia đình đăng ký thuế.

Lưu ý: Cá nhân/đại diện hộ gia đình phải kê khai các thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân của mình chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Điện thoại liên hệ: Ghi chính xác số điện thoại của cá nhân/đại diện hộ gia đình (nếu có).

5. Email: Ghi chính xác địa chỉ email cá nhân/đại diện hộ gia đình (nếu có).

- Trường hợp cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam đang sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân thì kê khai vào các chỉ tiêu từ 1 đến 8 bên dưới:

1. Họ và tên: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên cá nhân đăng ký thuế.

2. Ngày, tháng, năm sinh: Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của cá nhân đăng ký thuế.

3. Giới tính: Tích vào 1 trong 2 ô Nam hoặc Nữ.

4. Quốc tịch: Ghi rõ Quốc tịch của cá nhân đăng ký thuế.

5. Giấy tờ pháp lý: tích chọn 1 trong các loại giấy tờ hộ chiếu/giấy thông hành/CMND biên giới/Giấy tờ chứng thực cá nhân khác còn hiệu lực của cá nhân và ghi rõ số, ngày cấp, thông tin "nơi cấp" chỉ ghi tỉnh, thành phố cấp.

6. Địa chỉ thường trú: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ nơi thường trú của cá

nhân

7. Địa chỉ hiện tại: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ về nơi ở hiện tại của cá nhân (chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ nơi thường trú).

8. Thông tin khác: Ghi số điện thoại, địa chỉ email (nếu có).

II. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

III. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Trường hợp người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nhưng không đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về hộ kinh doanh thì kê khai các thông tin về hoạt động kinh doanh như sau:

1. Tên cửa hàng/thương hiệu: Tên của cửa hàng hoặc thương hiệu của dịa điểm kinh doanh.

2. Địa chỉ kinh doanh:

- Trường hợp có hoạt động kinh doanh thường xuyên và địa điểm kinh doanh cố định; cá nhân cho thuê bất động sản thi ghi rõ địa chỉ kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoặc địa chỉ nơi cá nhân cho thuê bất động sản gồm: số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax.

- Trường hợp có hoạt động kinh doanh thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định thì ghi rõ địa chỉ nơi cư trú của cá nhân kinh doanh.

3. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ kinh doanh thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

4. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi 01 ngành nghề chính thực tế đang kinh doanh tại địa điểm kinh doanh.

5. Ngày bắt đầu hoạt động: Ghi rõ ngày bắt đầu hoạt động của địa điểm kinh doanh.

6. Phương pháp tính thuế GTGT: Chọn một trong 2 phương pháp tính thuế GTGT kê khai hoặc khoán.

*** Phần người đại diện hộ gia đình/cá nhân kinh doanh ký, ghi rõ họ tên:** Người đại diện hộ gìa đình/cá nhân kinh doanh phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

*** Nhân viên đại lý thuế:** Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thi kê khai vào thông tin này.

9. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân có ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế gửi hồ sơ cho cơ quan chi trả thu nhập. Trường hợp cá nhân nộp thuế thu nhập cá nhân tại nhiều cơ quan chi trả thu nhập trong cùng một kỳ nộp thuế, cá nhân chỉ uỷ quyền đăng ký thuế tại một cơ quan chi trả thu nhập và thông báo số định danh cá nhân của cá nhân (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế đã được cấp (đối với người nước ngoài) với các cơ quan chi trả thu nhập khác để sử dụng vào việc khấu trừ, kê khai, nộp thuế.

Cơ quan chi trả thu nhập tổng hợp và gửi tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế trong trường hợp cá nhân chưa có mã số thuế, gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập để đăng ký thuế thay cho cá nhân có uỷ quyền.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vảo Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai vả gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử vả gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2. Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngảy nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài

liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Hồ sơ đăng ký thuế của cá nhân gồm gửi cho cơ quan chi trả thu nhập: Văn bản ủy quyền Mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài) cho cơ quan chi trả thu nhập.

++ Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin đăng ký thuế của cả nhân vào tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cơ quan thuế quân lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày lảm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chi trả thu nhập.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo mã số thuế cá nhân mẫu số 14-MST ban hảnh kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản ủy quyền Mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hảnh kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cá nhân/đại diện hộ gia đình là người Việt Nam phải kê khai các thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân của mình chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trường hợp chưa được cấp số định danh cá nhân thì cá nhân phải liên hệ với cơ quan Công an cấp xã để thu thập thông tin vảo Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vả cấp số định danh cá nhân trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế.

+ Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thi phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trường Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo:

Mẫu số: **05-ĐK-TH-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
Tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công

(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có ủy quyền)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập:

2. Mã số thuế:

3. Cơ quan thuế quản lý:

4. Thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân có ủy quyền như sau:

STT	Họ và tên người nộp thuế	Mã số thuế- nếu có (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu				Địa chỉ nơi thường trú					Địa chỉ hiện tại				Điện thoại liên hệ	Email
						Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Quốc gia	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1																				
2																				
...																				

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng theo thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân đã ủy quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

....., ngày... /.../.....

CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ ủy quyền của cá nhân là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

2. Cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì khai số định danh cá nhân vào chỉ tiêu 7 và không cần kê khai các chỉ tiêu từ 8 đến 19. Cơ quan thuế tự động tích hợp dữ liệu "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu từ 11 đến 19.

3. Trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế: Khai mã số thuế đã cấp cho cá nhân hoặc số định danh cá nhân đã được cơ quan thuế thông báo sử dụng thay cho mã số thuế vào cột 3; các cột còn lại (trừ cột 2) cột nào có thông tin thay đổi mới khai, cột nào không có thông tin thay đổi thì để trống không khai.

Mẫu số: **41/UQ-ĐKT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN ĐĂNG KÝ THUẾ

☐ Đăng ký thuế lần đầu ☐ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

Tên tôi là: .....

Mã số thuế đã được cấp *<ghi trong trường hợp thay đổi thông tin>*: ...

<1. Đối với đăng ký thuế lần đầu thì ghi:>

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính, nay tôi ủy quyền cho *<tên cơ quan chi trả thu nhập>*, mã số thuế *<mã số thuế của cơ quan chi trả thu nhập>* đăng ký thuế cho tôi <hoặc người phụ thuộc của tôi> với các thông tin như sau:

<a) Đối với cá nhân/người phụ thuộc là người có quốc tịch Việt Nam có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:>

Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Điện thoại liên hệ	Email	Quan hệ của người phụ thuộc vời cá nhân	Thời diểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)

<b) Đối với cá nhân/người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài:>

Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quốc tịch	Thông tin Hộ chiếu			Địa chỉ nơi thường trú					Địa chỉ hiện tại				Điện thoại liên hệ	Email	Quan hệ của người phụ thuộc với cá nhân	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng /năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng /năm)
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Quốc gia	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố					

<2. Đối với thay đổi thông tin đăng ký thuế thì ghi:>

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính, nay tôi ủy quyền cho *<tên cơ quan chi trả thu nhập>*, mã số thuế *<mã số thuế của cơ quan chi trả thu nhập>* đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế cho tôi <hoặc người phụ thuộc của tôi> với các thông tin như sau:

Họ vá tên	**Mã số thuế**	**Chỉ tiêu**	**Thông tin đăng ký cũ**	**Thông tin đăng ký mới**

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đăng ký thuế của tôi <hoặc người phụ thuộc của tôi> trên giấy ủy quyền này./.

..., ngày...tháng... năm...

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

10. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với NSNN (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày: Phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân hoặc phát sinh nghĩa vụ khác với ngân sách nhà nước, người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định, gửi đến cơ quan thuế để làm thủ tục đăng ký thuế theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++ Tại Cục Thuế nơi cá nhân làm việc đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam chi trả nhưng tổ chức này chưa thực hiện khấu trừ thuế;

++ Tại Cục Thuế nơi phát sinh công việc tại Việt Nam đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài;

++ Tại Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân cư trú đối với những trường hợp khác.

++ Tại Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đối với cá nhân đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không

đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành

chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ gồm:

++ Đối với cá nhân là người Việt Nam: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính hoặc hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế trong trường hợp cá nhân đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế.

++ Đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính hoặc hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quán lý thuế trong trường hợp cá nhân đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế.

+++ Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân. Trường hợp cá nhân đã đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 theo quy định tại khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 và Điều 14 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP để thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế thì không phải nộp bản sao hộ chiếu nếu đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

+++ Bản sao văn bản bổ nhiệm của Tổ chức sử dụng lao động trong trường hợp cá nhân người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân được cử sang Việt Nam làm việc nhưng nhận thu nhập tại nước ngoài.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đối với cá nhân Việt Nam: Được sử dụng số định danh cá nhân thay cho MST nếu thông tin đăng ký thuế khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Thông báo MST cá nhân do cơ quan thuế cấp được sử dụng đến hết ngày 30/6/2025.

+ Đối với cá nhân nước ngoài: Thông báo mã số thuế cá nhân.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cá nhân/đại diện hộ gia đình là người Việt Nam phải kê khai các thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân của mình chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trường hợp chưa được cấp số định danh cá nhân thì cá nhân phải liên hệ với cơ quan Công an cấp xã để thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp số định danh cá nhân trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế.

+ Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hánh chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo:

Mẫu số: **05-ĐK-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho người nộp thuế là cá nhân không kinh doanh trực tiếp đăng ký thuế)

1. Họ và tên người đăng ký thuế:.....

2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

2a. Tên:.....

2b. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:.....Ngày:.....

3. Thông tin đăng ký thuế của cá nhân:

<Trường hợp cá nhân đăng ký thuế là người Việt Nam:>

3.1. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....

3.2. Số định danh cá nhân:.....

3.3. Điện thoại liên hệ:.....

3.4. Email:.....

3.5. Số định danh cà nhân đã cấp trước đó (trong trường hợp cá nhân được xác lập lại số định danh cá nhân):.....

<Trường hợp cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam đang sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân:>

3.1. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....

3.2. Giới tính: □ Nam □ Nữ

3.3. Quốc tịch:.....

3.4. Số hộ chiếu: .....Ngày cấp:.../.../.....Nơi cấp.....

3.5. Địa chỉ thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Phường/Xã/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thánh phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....

3.6. Địa chỉ hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Phường/Xã/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....

3.7. Điện thoại liên hệ:.....

3.8. Email:.....

Tôi cam kết những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ...tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Ký và ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

MẪU SỐ 05-ĐK-TCT

1. Họ và tên: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên cá nhân đăng ký thuế.

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Thông tin đăng ký thuế của cá nhân

* Trường hợp cá nhân là người Việt Nam thì kê khai vào các chỉ tiêu từ 3.1 đến 3.4 bên dưới:

3.1. Ngày, tháng, năm sinh: Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của cá nhân đăng ký thuế.

3.2. Số định danh cá nhân: Ghi số định danh của cá nhân đăng ký thuế.

Lưu ý: Cá nhân phải kê khai các thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân của mình chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3.3. Điện thoại liên hệ: Ghi chính xác số điện thoại của cá nhản.

3.4. Email: Ghi chính xác địa chỉ email cá nhân.

* Trường hợp cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc lả người có quốc tịch Việt Nam đang sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân thì kê khai vào các chỉ tiêu từ 3.1 đến 3.8 bên dưới:

3.1. Ngày, tháng, năm sinh: Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của cá nhân đăng ký thuế.

32. Giới tính: Tích vào 1 trong 2 ô Nam hoặc Nữ.

3.3. Quốc tịch: Ghi rõ Quốc tịch của cá nhân đăng ký thuế.

3.4. Giấy tờ pháp lý: tích chọn 1 trong các loại giấy tờ hộ chiếu/giấy thông hành/CMND biên giới/Giấy tờ chứng thực cá nhân khác còn hiệu lực của cá nhân và ghi rõ số, ngày cấp, thông tin "nơi cấp" chỉ ghi tỉnh, thành phố cấp.

3.5. Địa chỉ thướng trú: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ nơi thường trú của cá nhân

3.6. Địa chỉ hiện tại: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ về nơi ở hiện tại của cá nhân (chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ nơi thường trú).

3.7. Ghi số điện thoại của cá nhân đăng ký thuế

3.8. Ghi địa chỉ email của cá nhân đăng ký thuế (nếu có).

Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoán giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

* **Phần người người đăng ký thuế ký, ghi rõ họ tên:** cá nhân đăng ký thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

* **Nhân viên đại lý thuế:** Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

11. Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân có ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế cho người phụ thuộc gửi hồ sơ cho cơ quan chi trả thu nhập; Trường hợp cá nhân nộp thuế thu nhập cá nhân tại nhiều cơ quan chi trả thu nhập trong cùng một kỳ nộp thuế, cá nhân chỉ uỷ quyền đăng ký thuế tại một cơ quan chi trả thu nhập và thông báo số định danh cá nhân của người phụ thuộc (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế đã được cấp cho người phụ thuộc (đối với người nước ngoài) với các cơ quan chi trả thu nhập khác để sử dụng vào việc khấu trừ, kê khai, nộp thuế.

Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp và gửi tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính chính chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đăng ký giảm trừ gia cảnh theo quy định của pháp luật trong trường hợp người phụ thuộc chưa có mã số thuế gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập để đăng ký thuế thay cho người phụ thuộc có ủy quyền.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vảo Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử vả gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mả người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông bảo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập vả gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhả nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mả người nộp thuế lựa chọn lập vả gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số

19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ gồm:

++ Hồ sơ đăng ký thuế của cá nhân gồm gửi cho cơ quan chi trá thu nhập: Văn bản ủy quyền Mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính; Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của người phụ thuộc hoặc bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực (nếu không có hộ chiếu) đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài) cho cơ quan chi trá thu nhập.

++ Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin đăng ký thuế của cá nhân vào tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chi trả thu nhập.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đối với cả nhân Việt Nam: Được sử dụng số định danh cá nhân thay cho MST nếu thông tin đăng ký thuế khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Thông báo MST cá nhân do cơ quan thuế cấp được sử dụng đến hết ngày 30/6/2025.

+ Đối với cá nhân nước ngoài: Thông bảo mã số thuế cá nhân.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công theo mẫu số 20-ĐKT-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cá nhân là người Việt Nam phải kê khai các thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân của người phụ thuộc chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trường hợp

chưa được cấp số định danh cá nhân thì cá nhân phải liên hệ với cơ quan Công an cấp xã để thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp số định danh cá nhân trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế.

+ Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo:

Mẫu số: **20-ĐK-TH-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
Tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công
(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có ủy quyền)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên Cơ quan chi trả thu nhập: ....
2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

3. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	MST (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày, tháng, năm sinh	Quốc tịch	Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Địa chỉ nơi thường trú				Địa chỉ hiện tại				Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh	Tên cá nhân có thu nhập	Mã số thuế của cá nhân có thu nhập	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	T đi k th ti gi t (th /n
									Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Số nhà/ đường phố	xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(
1																					
2																					
...																					

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng ... năm ...
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc được cá nhân ủy quyền là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

2. Người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam thì khai số định danh cá nhân vào chỉ tiêu 6 và không cần kê khai các chỉ tiêu từ 7 đến 17. Cơ quan thuế tự động tích hợp dữ liệu "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của người phụ thuộc từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào các chỉ tiêu từ 10 đến 17.

3. Trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế: Khai mã số thuế đã cấp cho cá nhân hoặc số định danh cá nhân đã được cơ quan thuế thông báo sử dụng thay cho mã số thuế vào cột 3; các cột còn lại (trừ cột 2) cột nào có thông tin thay đổi mới khai, cột nào không có thông tin thay đổi thì để trống không khai.

Mẫu số: **41/UQ-ĐKT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN ĐĂNG KÝ THUẾ

☐ Đăng ký thuế lần đầu ☐ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

Tên tôi là: .....

Mã số thuế đã được cấp <*ghi trong trường hợp thay đổi thông tin*>: ...

<*1. Đối với đăng ký thuế lần đầu thì ghi:*>

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính; nay tôi ủy quyền cho <*tên cơ quan chi trả thu nhập*>, mã số thuế <*mã số thuế của cơ quan chi trả thu nhập*> đăng ký thuế cho tôi <hoặc người phụ thuộc của tôi> với các thông tin như sau:

<*a) Đối với cá nhân/người phụ thuộc là người có quốc tịch Việt Nam có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:*>

Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Điện thoại liên hệ	Email	Quan hệ của người phụ thuộc với cá nhân	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (thàng/năm)

<*b) Đối với cá nhân/người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài:*>

Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quốc tịch	Thông tin Hộ chiếu			Địa chỉ nơi thường trú					Địa chỉ hiện tại				Điện thoại liên hệ	Email	Quan hệ của người phụ thuộc	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Quốc gia	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố					

																với cá nhân	/năm)	/năm)

<2. Đối với thay đổi thông tin đăng ký thuế thì ghi:>

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính, nay tôi ủy quyền cho *<tên cơ quan chi trả thu nhập>*, mã số thuế *<mã số thuế của cơ quan chi trả thu nhập>* đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế cho tôi <hoặc người phụ thuộc của tôi> với các thông tin như sau:

Họ và tên	Mã số thuế	Chỉ tiêu	Thông tin đăng ký cũ	Thông tin đăng ký mới

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đăng ký thuế của tôi <hoặc người phụ thuộc của tôi> trên giấy ủy quyền này./.

..., ngày...tháng... năm...

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

12. Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân lập hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cánh và gửi đến cơ quan thuế để làm thủ tục đăng ký thuế theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++ Tại Cục Thuế nơi cá nhân làm việc đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam chi trả nhưng tổ chức này chưa thực hiện khấu trừ thuế;

++ Tại Cục Thuế nơi phát sinh công việc tại Việt Nam đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài;

++ Tại Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân cư trú đối với những trường hợp khác.

Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cánh cùng với thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký giảm trừ gia cảnh theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày

19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ gồm:

++ Đối với người phụ thuộc là người Việt Nam: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++ Đối với người phụ thuộc là người nước ngoài:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+++ Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của người phụ thuộc hoặc bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực (nếu không có hộ chiếu).

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Đối với cá nhân Việt Nam: Được sử dụng số định danh cá nhân thay cho MST nếu thông tin đăng ký thuế khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Thông báo MST cá nhân do cơ quan thuế cấp được sử dụng đến hết ngày 30/6/2025.

+ Đối với cá nhân nước ngoài: Thông báo mã số thuế cá nhân.

- **Phi, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký thuế dùng cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cá nhân là người Việt Nam phải kê khai các thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân của người phụ thuộc chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trường hợp chưa được cấp số định danh cá nhân thì cả nhân phải liên hệ với cơ quan Công an cấp xã để thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp số định danh cá nhân trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế.

+ Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo:

Mẫu số: 20-ĐK-TCT
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Họ và tên cá nhân có thu nhập:.....
2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số người phụ thuộc:
4. Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý):
5. Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập (nếu có):

6. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày, tháng, năm sinh	Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Quốc tịch	Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Địa chỉ nơi thường trú	Địa chỉ hiện tại	Quan hệ với người nộp thuế	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													
...													

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm...
CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Cá nhân chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

2. Người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam thì khai số định danh cá nhân vào chỉ tiêu 6 và không cần kê khai các chỉ tiêu 7, 8, 9, 10, 11. Cơ quan thuế tự động tích hợp dữ liệu "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của người phụ thuộc từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 10, 11.

3. Trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế: Khai mã số thuế đã cấp cho cá nhân hoặc số định danh cá nhân đã được cơ quan thuế thông báo sử dụng thay cho mã số thuế vào cột 5; các cột còn lại (trừ cột 2) cột nào có thông tin thay đổi mới khai, cột nào không có thông tin thay đổi thì để trống không khai.

13. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1.

++ Người nộp thuế khi bị mất, rách, nát, cháy Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế thì gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi sổ văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:* Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế/ Thông báo mã số thuế theo mẫu số 13-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BCT ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 02 (hai) ngáy làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của người nộp thuế đầy dủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế /Thông báo mã số thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế/ Thông bảo mã số thuế theo mẫu số 13-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BCT ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quán lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hường dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo:

Mẫu số: **13-MST**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024//TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN
Đề nghị cấp lại <Giấy chứng nhận đăng ký thuế/Thông báo mã số thuế>

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế, cá nhân (Ghi theo thông tin đăng ký thuế): .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở chính (Ghi theo thông tin đăng ký thuế): .....

Địa chỉ kinh doanh (Nếu có):

2. Tên đại lý thuế (Nếu có):.....

Mã số thuế: .....

Hợp đồng đại lý thuế: Số ..... ngày .....

3. Lý do đề nghị cấp lại: .....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bàn này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
Họ và tên:.....	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Chứng chỉ hành nghề số:.....	

Ghi chú:
Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cá nhân khác không cần đóng dấu.

14. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối vời người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh).

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1:

NNT đã đăng ký thuế với cơ quan thuế, khi có thay đổi một trong các thông tin trên tờ khai đăng ký thuế, bàng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi;

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hường dẫn người nộp thuế hoán thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử má người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông bảo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Đối với NNT là tổ chức (trừ trường hợp đăng ký theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh; tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của

nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự vả cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định quản lý chương trình, dự án ODA không hoàn lại) hồ sơ gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế theo mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp nếu thông tin trên các Giấy tờ này có thay đổi.

++ Đối với Tổ chức, cá nhân nước ngoải vả tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoán lại của nước ngoải mua hàng hoá, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định quản lý chương trình, dự án ODA không hoàn lại, hồ sơ gồm: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế theo mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++ Dối với hộ gia đình, cá nhản có hoạt động sàn xuất, kinh doanh háng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật nhưng không phải đăng ký hộ kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về hộ kinh doanh; cá nhân kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu. Hồ sơ gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 hoặc Hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

+++ Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân nếu thông tin trên giấy tờ này có thay dổi đối với cá nhân lả người nước ngoài hoặc người Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp thay đổi thông tin không có trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

+ Trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã cập nhật thông tin thay đổi.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ/cá nhân kinh doanh (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh).

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chinh: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế (trường hợp người nộp thuế thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế).

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chinh:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: 08-MST

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế

☐ Doanh nghiệp, hợp tác xã ☐ Tổ chức ☐ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ☐ Cá nhân ☐ Khác

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế:

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
1- Điều chỉnh, bổ sung thông tin trên tờ khai đăng ký thuế: Ví dụ: - Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT - ..... **II- Điều chỉnh, bổ sung thông tin bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế:** Ví dụ: - Bảng kê BK02-ĐK-TCT - ...	124 Lò Đúc-Hà Nội	235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội Bổ sung đơn vị phụ thuộc ...

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.
- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.
- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

15. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan ĐKKD.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với CQT khi có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở trên tờ khai đăng ký thuế dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp (CQT nơi chuyển đi).

Người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh khi có thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc thay đổi địa chỉ trụ sở sang địa bàn cấp huyện khác nhưng cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thì người nộp thuế phải nộp hồ sơ thay đổi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp (cơ quan thuế nơi chuyển đi) để thực hiện các thủ tục về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi sổ văn thư của cơ quan

thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông bảo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC

ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

* Đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

+ Đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác theo quy định tại Điểm a, b, c, đ, h, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gồm:

++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp địa chỉ trên các Giấy tờ này có thay đổi.

* Đối với người nộp thuế theo quy định tại Điểm d, i Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc kết luận kiểm tra (đối với hồ sơ thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế (đối với hồ sơ không thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), đồng thời người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế và cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến.

Quá thời hạn nêu trên, trường hợp người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi thì thời hạn cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này được xác định lại là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế nơi chuyển đi.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Thông bào người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thi phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- **Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

Mẫu số: **08-MST**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Điều chỉnh, bổ sung tbông tin đăng ký tbuế

☐ Doanh nghiệp, hợp tác xã ☐ Tổ chức ☐ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ☐ Cá nhân ☐ Khác

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ trụ sở chinb:

4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế:

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chi tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I- Điều chỉnb, bổ sung thông tin trên tờ khai đăng ký thuế: Ví dụ: - Chi tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT - ..... **II- Điều chỉnh, bổ sung thông tin bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký tbuế:** Ví dụ: - Bảng kê BK02-ĐK-TCT - ...	124 Lò Đúc-Hà Nội	235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội Bổ sung đơn vị phụ thuộc ...

Người nộp thuế cam doan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hanh nghề số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.
- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế dã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.
- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

16. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến), trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm (mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính Quy định về đăng ký thuế, người nộp thuế phải lập hồ sơ, gửi đến cơ quan thuế nơi chuyển đến theo nơi nộp hồ sơ như sau:

- Người nộp thuế theo quy định tại điểm a, b, d, đ, h khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (trừ tổ hợp tác) nộp hồ sơ tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở mới.

- Người nộp thuế là tổ hợp tác, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính nộp hồ sơ tại Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi đặt trụ sở mới.

- Người nộp thuế theo quy định tại điểm c, n khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính nộp hồ sơ tại Cục Thuế nơi người nộp thuế đóng trụ sở (tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập); tại Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi tổ chức đóng trụ sở (tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập).

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng diện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không

đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa dầy dủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông bảo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng

thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

* Đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác theo quy định tại Điểm a, b, c, đ, h, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gồm:

++ Văn bản đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến mẫu số 30/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp trong trướng hợp địa chỉ trên các Giấy tờ này có thay đổi.

* Đối với người nộp thuế theo quy định tại Điểm d, i Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính: Văn bản đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến mẫu số 30/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vảo Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế. Đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã cập nhật thông tin thay đổi gửi cho người nộp thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đăng ký chuyển địa diểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến mẫu số 30/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn vả gửi hổ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm báo dầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh

vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **30/ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN
Đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế (*ghi theo đăng ký thuế*): .....
2. Mã số thuế: .....
3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế)*: .....
4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi theo địa chỉ đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:.....
5. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

a) Tên:.....

b) Mã số thuế của đại lý thuế: .....

c) Số hợp đồng đại lý thuế:.....ngày ký hợp đồng:.....

6. Lý do đăng ký chuyển địa điểm: .....
.....
.....
7. Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú: Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

17. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế lá cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trường hợp cá nhân có ủy quyền cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế cho cả nhân và người phụ thuộc thì phải gửi văn bản ủy quyền (đối với trường hợp chưa có văn bản ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập trước đó) và bản sao các giấy tờ có thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký thuế của cá nhân hoặc người phụ thuộc của người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân cho tổ chức chi trả thu nhập chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi; tổ chức chi trá thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin thay đổi của cá nhân, người phụ thuộc vào tờ khai đăng ký thuế và gửi cho cơ quan quản lý thuế chậm nhất lả 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ủy quyền của cá nhân.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vảo Cổng thông tin điện tử mả người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhả nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục Il ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày

19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Đối với cá nhân: Tờ khai đăng ký mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++ Đối với người phụ thuộc: Tờ khai đăng ký mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp thay đổi thông tin không có trên Thông báo mã số thuế người phụ thuộc ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập hoặc Thông báo mã số thuế cá nhân: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

+ Trướng hợp thay đổi thông tin trên Thông báo mã số thuế người phụ thuộc ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập hoặc Thông bảo mã số thuế cả nhân: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi váo Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; đồng thời, ban hành Thông báo mã số thuế người phụ thuộc ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập hoặc Thông báo mã số thuế cá nhân đã cập nhật thông tin thay đổi.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chi trả thu nhập.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đối với cá nhân Việt Nam: Cập nhật thông tin thay đổi nếu khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Đối với cá nhân nước ngoài: Thông báo mã số thuế cá nhân mẫu số 14-MST đã cập nhật thông tin thay đổi.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

+ Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cả nhân là người Việt Nam phải kê khai các thông tin thay đổi về họ và tên, ngảy tháng năm sinh, số định danh cá nhân của người phụ thuộc chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sớ dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quán lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **05-ĐK-TH-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
Tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công

(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có ủy quyền)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập:
2. Mã số thuế:
3. Cơ quan thuế quản lý:
4. Thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân có ủy quyền như sau:

STT	Họ và tên người nộp thuế	Mã số thuế- nếu có (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu				Địa chỉ nơi thường trú					Địa chỉ hiện tại				Điện thoại liên hệ	Email
						Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Quốc gia	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1																				
2																				
...																				

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng theo thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân đã ủy quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

...., ngày... /.../.....

CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ ủy quyền của cá nhân là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

2. Cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì khai số định danh cá nhân vào chỉ tiêu 7 và không cần kê khai các chỉ tiêu từ 8 đến 19. Cơ quan thuế tự động tích hợp dữ liệu "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu từ 11 đến 19.

3. Trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế: Khai mã số thuế đã cấp cho cá nhân hoặc số định danh cá nhân đã được cơ quan thuế thông báo sử dụng thay cho mã số thuế vào cột 3; các cột còn lại (trừ cột 2) cột nào có thông tin thay đổi mới khai, cột nào không có thông tin thay đổi thì để trống không khai.

Mẫu số: **20-ĐK-TH-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
Tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công
(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có ủy quyền)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên Cơ quan chi trả thu nhập: ....

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	MST (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày, tháng, năm sinh	Quốc tịch	Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Địa chỉ nơi thường trú				Địa chỉ hiện tại				Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh	Tên cá nhân có thu nhập	Mã số thuế của cá nhân có thu nhập	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng /năm)	T d t t g (tl /n
									Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Số nhà/ đường phố	xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(
1																					
2																					
...																					

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng ... năm ...
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc được cá nhân ủy quyền là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

2. Người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam thì khai số định danh cá nhân vào chỉ tiêu 6 và không cần kê khai các chỉ tiêu từ 7 đến 17. Cơ quan thuế tự động tích hợp dữ liệu "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của người phụ thuộc từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào các chỉ tiêu từ 10 đến 17.

3. Trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế: Khai mã số thuế đã cấp cho cá nhân hoặc số định danh cá nhân đã được cơ quan thuế thông báo sử dụng thay cho mã số thuế vào cột 3; các cột còn lại (trừ cột 2) cột nào có thông tin thay đổi mới khai, cột nào không có thông tin thay đổi thì để trống không khai.

18. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế là cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế khi có thay đổi thông tin đăng ký thuế thì phải thông báo cho Chi cục Thuế nơi cá nhân thường trú hoặc tạm trú trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bàng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông bảo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày lảm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST hoặc mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính. Trường hợp cá nhân hoặc người phụ thuộc thuộc trường hợp cơ quan thuế cấp mã số thuế (là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư) thì nộp kèm

theo bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân hoặc người phụ thuộc trong trường hợp thông tin đăng ký thuế trên giấy tờ này có thay đổi.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế (đối với trường hợp không cấp lại Thông báo mã số thuế cá nhân).

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế (đối với trướng hợp cấp lại Thông báo mã số thuế cá nhân).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đối với cá nhân Việt Nam: Cập nhật thông tin thay đổi nếu khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Đối với cá nhân nước ngoài: Thông báo mã số thuế cá nhân (nếu có thay đổi).

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST hoặc mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cá nhân là người Việt Nam phải kê khai các thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân của người phụ thuộc chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trường hợp chưa được cấp số định danh cá nhân thì cá nhân phải liên hệ với cơ quan Công an cấp xã để thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp số định danh cá nhân trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế.

+ Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật

quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **08-MST**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế

☐ Doanh nghiệp, hợp tác xã ☐ Tổ chức ☐ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ☐ Cá nhân ☐ Khác

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Thông tín đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế:

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I- Điều chỉnh, bổ sung thông tin trên tờ khai đăng ký thuế: Ví dụ: - Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT - ..... **II- Điều chỉnh, bổ sung thông tin bảng kê kèm tbeo tờ khai đăng ký thuế:** Ví dụ: - Bảng kê BK02-ĐK-TCT - ...	124 Lò Đúc-Hà Nội	235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội Bổ sung đơn vị phụ thuộc ...

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.
- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.
- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

Mẫu số: **20-ĐK-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Họ và tên cá nhân có thu nhập:.....
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số người phụ thuộc:
4. Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý):
5. Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập (nếu có):
6. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày, tháng, năm sinh	Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Quốc tịch	Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Địa chỉ nơi thường trú	Địa chỉ hiện tại	Quan hệ với người nộp thuế	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													
...													

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm...
CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Cá nhân chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

2. Người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam thì khai số định danh cá nhân vào chỉ tiêu 6 và không cần kê khai các chỉ tiêu 7, 8, 9, 10, 11. Cơ quan thuế tự động tích hợp dữ liệu "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của người phụ thuộc từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 10, 11.

3. Trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế: Khai mã số thuế đã cấp cho cá nhân hoặc số định danh cá nhân đã được cơ quan thuế thông báo sử dụng thay cho mã số thuế vào cột 5; các cột còn lại (trừ cột 2) cột nào có thông tin thay đổi mới khai, cột nào không có thông tin thay đổi thì để trống không khai.

19. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với Cục thuế nơi người điều hành đặt trụ sở hoặc tại Cục Thuế doanh nghiệp lớn trong trường hợp người điều hành được phân công cho Cục Thuế doanh nghiệp lớn quản lý trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Co quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông bảo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của phập luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế theo mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp người nộp thuế thay đổi các thông tin không làm thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ;

+ Trường hợp người nộp thuế thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế đã cập nhật thông tin thay đổi.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế (trường hợp người nộp thuế thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn vá gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **08-MST**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế

☐ Doanh nghiệp, hợp tác xã ☐ Tổ chức ☐ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ☐ Cá nhân ☐ Khác

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế:

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I- Điều chỉnh, bổ sung thông tin trên tờ khai đăng ký thuế: Ví dụ: - Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT - ..... **II- Điều chỉnh, bổ sung thông tin bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế:** Ví dụ: - Bảng kê BK02-ĐK-TCT - ...	124 Lò Đúc-Hà Nội	235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội Bổ sung đơn vị phụ thuộc ...

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.
- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.
- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

20. Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế, nếu người nộp thuế không thực hiện chuyển địa điểm thì nộp Văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm đến cơ quan thuế nơi chuyển đi theo mẫu số 31/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bàng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trướng hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

Văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm mẫu số 31/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo về việc xác nhận người nộp thuế hủy chuyển địa điểm mẫu số 36/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm mẫu số 31/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hánh chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **31/ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN
Đăng ký hủy chuyển địa điểm

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế (*ghi theo đăng ký thuế*): .....
2. Mã số thuế: .....
3. Địa chỉ trụ sở chính *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế)*: .....
4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi theo địa chỉ đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:.....
5. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

a) Tên:.....

b) Mã số thuế: .....

c) Số hợp đồng đại lý thuế: ..... ngày ký hợp đồng: .....

6. Hồ sơ chuyển địa điểm dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý nộp cho cơ quan thuế ngày ....., mã giao dịch điện tử (nếu có) số .....
7. Lý do đề nghị hủy chuyển địa điểm: .....

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bàn này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

21. Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh không thuộc diện đăng ký kinh doanh thực hiện gửi Thông bảo mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hố sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

Thông báo đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh không thuộc diện đăng ký kinh doanh.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo chấp thuận/hoặc không chấp thuận tạm ngừng hoạt động, kinh doanh mẫu số 27/TB-ĐKT, Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo đơn vị chủ quản mẫu số 33/TB-ĐKT (nếu có), Thông báo về việc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn theo đơn vị chủ quản mẫu số 34/TB-ĐKT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Thông báo đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh/tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tái chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- **Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

Mẫu số: **23/ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN
Đăng ký <tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn>

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế)*: .....
2. Mã số thuế: .....
3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế)*:.....
4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:.....
5. *<Trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh>:*

a) Thời gian tạm ngừng: .....
b) Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: Ngày .../.../...
c) Thời điểm kết thúc tạm ngừng: Ngày .../.../...
d) Lý do tạm ngừng hoạt động, kinh doanh: .....

<Trường hợp tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn>:

a) Thời điểm tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn: Ngày .../.../...
b) Lý do tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn: .....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của thông báo này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú: *Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.*

22. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấm dứt hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc ngày kết thúc hợp đồng.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao quyết định giải thể, bản sao quyết định chia, bản sao hợp đồng hợp nhất, bản sao hợp đồng sáp nhập, bản sao quyết định thu hồi giấy chứng

nhận đăng ký hoạt động của cơ quan có thẩm quyền, bản sao thông báo chấm dứt hoạt động, bản sao quyết định chuyển đổi.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông bào người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông bảo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT; Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **24/ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN
Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
2. Mã số thuế: .....
3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....
4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:.....
5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế:.....
.....
.....
6. Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

23. Chấm đứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất; Chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã trước khi nộp hồ sơ để chấm dứt hoạt động doanh nghiệp, hợp tác xã do bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất hoặc chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã phải nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thực hiện các thủ tục về thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế theo thời hạn quy định tại Luật Doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) và các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp Luật Đoanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan không quy định thời hạn người nộp thuế phải nộp hồ sơ đến cơ quan thuế thì người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quán lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chia, hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất, quyết định hoặc thông báo của doanh nghiệp, hợp tác xã về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hoặc quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng dại diện.

++ Đối với trường hợp hồ sơ dăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vảo Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính vả đã dược kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng diện tử (nếu có), ký diện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vảo hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan

thuế. Trường hợp hồ sơ không dầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Đối với doanh nghiệp và hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất, gồm:

+++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+++ Bản sao quyết định chia, bản sao hợp đồng hợp nhất, bản sao hợp đồng sáp nhập.

++ Đối với đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã, gồm:

+++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+++ Bản sao quyết định hoặc thông báo của doanh nghiệp, hợp tác xã về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; bản sao quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

+ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tải chính trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quán nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã

thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quán đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoán trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng đẫn thi hành thi cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hài quan hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ <giải thể/chấm dứt hoạt động> đến cơ quan <đăng ký kinh doanh/đăng ký hợp tác xã> mẫu số 28/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

+ Cơ quan thuế quán lý khoản thu thực hiện:

++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT; Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ <giải thể/chấm dứt hoạt động> đến cơ quan <đăng ký kinh doanh/đăng ký hợp tác xã> theo mẫu số 28/TB-ĐKT; Thông báo

gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo:

Mẫu số: **24/ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN
Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
2. Mã số thuế: .....
3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....
4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:.....
5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế:.....
.....
.....
6. Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

24. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, nhà thầu nước ngoài.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hợp đồng, người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng, hiệp định dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng, hiệp định dầu khí và tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn, nhà thầu nước ngoài có trách nhiệm gửi hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý để làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vảo Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và dã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mả người nộp thuế lựa chọn;

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trướng hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trinh, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngảy làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin diện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế diện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về dăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, dúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Thông báo đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao bản thanh lý hợp đồng hoặc bản sao văn bản về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tham gia hợp đồng dầu khí đối với nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị trực thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thánh nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan theo quy định; cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tái chính gửi cho người nộp thuế.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hánh chính: Nhá thầu, nhả đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, nhà thầu nước ngoài.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời

đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chinh:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quán lý, sử dụng, tải sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhản, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **24/ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN
Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
2. Mã số thuế: .....
3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....
4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:.....
5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế:.....
.....
.....
6. Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

25. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh do chấm dứt hoạt động kinh doanh; chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đo chấm dứt hoạt động kinh doanh đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động kinh doanh.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vảo hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng đấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ vả ghi số văn thư của cơ quan thuế. Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ cửa người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

+++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mả người nộp thuế lựa chọn lập vả gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính; Trường hợp cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh ngoài địa điểm đăng ký trụ sở, cá nhân kinh doanh thông báo cho Chi cục

thuế tại địa bàn nơi có địa điểm kinh doanh theo mẫu số 24.1/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 17/TB- ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế đối với hoạt động kinh doanh.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ về thuế, cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính; Thông báo chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh mẫu số 24.1/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung

một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sán công, luật quán lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch diện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫn đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **24/ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN
Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
2. Mã số thuế: .....
3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....
4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:.....
5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế:.....
.....
.....
6. Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

Mẫu số: **24.1/ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

THÔNG BÁO
Về việc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh của cá nhân kinh doanh

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế)*: .....
2. Mã số thuế: .....

Thông báo chấm dứt hoạt động địa diểm kinh doanh sau:

3. Địa chỉ của địa điểm kinh doanh:.....
4. Lý do chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh:.....
.....
.....
5. Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

26. Khôi phục mã số thuế.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế thuộc các trường hợp khôi phục mã số thuế theo quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 33 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được khôi phục mã số thuế trong thời hạn như sau:

++ Người nộp thuế quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương, cơ quan thuế đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định, nhưng sau đó cơ quan có thẩm quyền có văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi thì người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi;

++ Sau khi cơ quan thuế có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nhưng người nộp thuế chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương và chưa bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì người nộp thuế nộp Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

++ Người nộp thuế quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính khi có nhu cầu tiếp tục hoạt động kinh doanh sau khi đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế gửi đến cơ quan thuế nhưng cơ quan thuế chưa ban hành Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 14, Điều 16 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính thì người nộp thuế nộp Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

++ Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập, hoặc chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc đến cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này, sau đó có văn bản hủy

Quyết định chia, hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất hoặc văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc và người nộp thuế chưa nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh thì người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ vả ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp

dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

+++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++ Bản sao không cần chứng thực văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp tổ chức kinh tế, tổ chức khác đề nghị khôi phục mã số thuế do cơ quan có thẩm quyền có văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương);

++ Bản sao văn bản hủy bỏ Quyết định chia, Hợp đồng sáp nhập, Hợp đồng hợp nhất; hoặc bản sao văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị

phụ thuộc. (đối với trường hợp Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập, hoặc chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc đến cơ quan thuế, sau đó có văn bản hủy Quyết định chia, hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất hoặc văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc và người nộp thuế chưa nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh).

++ Trường hợp người nộp thuế đã thay đổi địa chỉ trụ sở nhưng không đăng ký thay đổi thông tin với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, người nộp thuế phải ghi địa chỉ trụ sở hiện tại và giải trình lý do trong văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế, đồng thời nộp kèm hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định (đối với NNT đề nghị khôi phục mã số thuế sau khi cơ quan thuế có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký).

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính; hoặc kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, nộp đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ (trừ một số trường hợp không phải hoàn thành nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế) đối với trường hợp quy định tại Điểm b, c, d Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Trường hợp NNT được khôi phục MST:

++ Thông báo khôi phục mã số thuế mẫu số 19/TB- ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++ Thông bảo về việc mã số thuế được khôi phục theo đơn vị chủ quản mẫu số 37/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu NNT được khôi phục MST là đơn vị chủ quản).

++ Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông bảo mã số thuế cho người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế đã nộp bản gốc cho cơ quan thuế theo hồ sơ chấm đứt hiệu lực mã số thuế.

+ Trường hợp người nộp thuế không được khôi phục mã số thuế:

++ Thông báo về việc mã số thuế không được khôi phục mẫu số 38/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, đồng thời đăng ký vả đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính vả Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoản, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sán công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cả nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tải chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **25/ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN
Đề nghị khôi phục mã số thuế

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
2. Mã số thuế: .....
3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....
4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:.....
5. Địa chỉ hiện tại (nếu khác địa chỉ đã đăng ký):
6. Lý do đề nghị khôi phục mã số thuế: .....
.....
.....
7. Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của thông báo này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú:
Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

27. Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1:

++ Đối với trường hợp chia tổ chức:

+++ Tổ chức bị chia: nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định chia tổ chức hoặc văn bản tương đương.

+++ Các tổ chức mới thành lập từ tổ chức bị chia phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

++++ Tổ hợp tác, tổ chức khác theo quy định tại Điểm b,c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp tách tổ chức:

+++ Tổ chức bị tách: nếu có phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế sau khi tách thì phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Văn bản tương đương khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+++ Tổ chức được tách: phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

++++ Tổ hợp tác, tổ chức khác theo quy định tại Điểm b,c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi

tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp sáp nhập tổ chức:

+++ Tổ chức bị sáp nhập nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương.

+++ Tổ chức nhận sáp nhập nếu có phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế sau khi sáp nhập thì trong thời hạn 10 (mười) làm việc ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập vá hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ tương dương khác, tổ chức nhận sáp nhập phải thực hiện thủ tục thay dổi thông tin dăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

++ Đối với trường hợp hợp nhất tổ chức:

+++ Các tổ chức bị hợp nhất nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có Hợp đồng hợp nhất hoặc văn bản tương đương.

+++ Tổ chức hợp nhất phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

++++ Tổ hợp tác, tổ chức khác theo quy định tại Điểm b,c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở dối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tứ của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tìn điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi sổ văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tìn điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Đối với tổ chức mới được chia, tổ chức được tách, tổ chức hợp nhất là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu gồm:

+++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chia/Hợp đồng hợp nhất/Hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương.

+++ Tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Báng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chia/Hợp đồng hợp nhất/Hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương.

++ Đối với tổ chức bị chia, tổ chức bị sáp nhập, tổ chức bị hợp nhất là hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế gồm:

+++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

+++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chia/Hợp đồng hợp nhất/Hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương;

++ Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập nếu có thay đổi thông tin đăng ký thuế thì hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, gồm:

+++Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

+++ Bản sao Quyết định tách tổ chức hoặc Bản sao hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương;

+++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ tương đương khác.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Đối với tổ chức mới thành lập sau chia, tách, hợp nhất: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

+ Đối với tổ chức bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất:

++ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

+++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

+++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

+++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

+++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC

ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

+++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

++ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

+++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

+ Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập thay đổi thông tin ĐKT:

++ Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế (đối với trường hợp không phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

++ Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế (đối với trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đối với tổ chức mới thành lập sau chia, tách, hợp nhất: Giấy chứng nhận đăng ký thuế (lần đầu).

+ Đối với tổ chức bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất: Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT; Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập thay đổi thông tin ĐKT: Giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có).

+ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính

+ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoàn, luật kế toàn, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **01-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho tổ chức)

☐ Tổ chức kinh tế ☐ Tổ chức khác ☐ Tổ chức được hoàn thuế ☐ Hợp đồng dầu khí ☐ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

1. Tên người nộp thuế:
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
2a. Tên:
2b. Mã số thuế:
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số: ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính	
3a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:	
3b. Phường/Xã/Thị trấn:	
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
3đ. Điện thoại:	3e. Fax (nếu có):
3g. Email:	3h. Website (nếu có):

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*	
4a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:	
4b. Phường/Xã/Thị trấn:	
4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thánh phố trực thuộc trung ương:	
4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
4đ. Điện thoại:	4e. Fax (nếu có):
4g. E-mail:	

5. Quyết định thành lập
5a. Số quyết định:

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp
6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):	
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %

9. Ngày bắt đầu hoạt động: .../...../.....

10. Loại hình kinh tế

☐ Công ty cổ phần	☐ Doanh nghiệp tư nhân	☐ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	☐ Tổ hợp tác
☐ Công ty TNHH 1 thành viên	☐ Công ty hợp danh	☐ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	☐ Hợp tác xã
☐ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	☐ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	☐ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	☐ Cơ quan hành chính
☐ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		☐ Đơn vị sự nghiệp công lập	☐ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh ☐ Độc lập ☐ Phụ thuộc	**12. Năm tài chính**
	Từ ngày .../... đến ngày .../...

☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất	

13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có)	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức**
13a. Mã số thuế: 13b. Tên đơn vị đơn vị cấp trên:.....	14a. Họ và tên:..... 14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../..... 14d. Số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam):.... 14đ. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (đối với người nước ngoài): ☐ Hộ chiếu ☐ Giấy thông hành ☐ CMT biên giới ☐ Khác Số giấy tờ:..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:..... 14e. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... Phường/Xã/Thị trấn: ..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thanh phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14g. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... Phường/Xã/Thị trấn: ..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14h. Thông tin khác:

	Điện thoại:.....Email:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT	☐	Khấu trừ	☐	Trực tiếp trên GTGT	☐	Trực tiếp trên doanh số	☐ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

☐ Có công ty con, công ty thành viên	☐ Có đơn vị phụ thuộc	☐ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
☐ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc	☐ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):	*17.2. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có):*
a. Họ và tên:	a. Họ và tên:
b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:
c. Ngày tháng năm sinh:	c. Ngày tháng năm sinh:
d. Điện thoại liên lạc:	d. Điện thoại liên lạc:
đ. Email:	đ. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

☐ Chia ☐ Tách ☐ Hợp nhất ☐ Chuyển đơn vị phụ thuộc thành độc lập

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

....., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Chứng chỉ hành nghề số.....

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- "Tổ chức kinh tế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này .
- "Tổ chức khác": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.
- "Tổ chức được hoàn thuế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.
- "Hợp đồng dầu khí": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.
- "Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu": Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ tại chỉ tiêu 14đ và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Số điện thoại, số Fax (nếu có) ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.
- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.
- Người nộp thuế phải kê khai đầy dủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:
- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.
- Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp dồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:
- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).
- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do

cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).
- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô "Độc lập" hoặc "Phụ thuộc". Trường hợp tích chọn ô "Độc lập" thì tích chọn vào "Có BCTC hợp nhất" nếu thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.

13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có): Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức; trường hợp người nộp thuế là công ty con thuộc Tập đoàn, Tổng công ty thì ghi tên, mã số thuế của Tập đoàn, Tổng công ty.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật/người đứng đầu của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân. Trường hợp người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức là người Việt Nam thì khai số định danh cá nhân tại chỉ tiêu 14d và không phải kê khai chỉ tiêu 14đ, 14e. Cơ quan thuế tự động tích hợp thông tin "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 14đ, 14e.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào ô tương ứng của chỉ tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:
- Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh dấu X vào ô "Có công ty con, công ty thành viên", sau đó phải kê khai vào phần "Báng kê các công ty con, công ty thánh viên" mẫu số BK01-ĐK-TCT.
- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thi đánh dấu X vào ô "Có đơn vị phụ thuộc", sau dó phải kê khai vào "Bàng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT.
- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đành dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh"

mẫu số BK03-ĐK-TCT.
- Nếu người nộp thuế có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thi đánh dấu X vào ô "Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.
- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế cá nhân (đối với người nước ngoài), số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám dốc, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức đăng ký thuế do chia/tách/hợp nhất tổ chức, hoặc chuyển từ đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập thi dánh dấu X vào một trong các ô tương ứng của chỉ tiêu này và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đó của các tổ chức bị chia, bị tách, bị hợp nhất, đơn vị phụ thuộc bị chuyển đổi.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phái ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế:

Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này (trừ trường hợp nộp hồ sơ theo phương thức điện tử). Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai đăng ký thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc dóng dấu cho cơ quan thuế.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng dăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thi kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK01-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài

BẢNG KÊ

Các công ty con, công ty thành viên

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có):

STT	Mã số thuế (nếu có)	Tên công ty con, công ty thành viên	Địa chỉ của công ty con, công ty thành viên	Vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên	Loại tiền (VNĐ/USD)	Tỷ lệ vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên (%)
I	**Công ty con**					
1						
2						
...						
II	**Công ty thành viên**					
1						
2						
...						

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK02-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có):

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập
1				
2				
...				

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập	Số nhà, đường phố (thôn/ xóm)	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
....							
....							
....							
....							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									
...									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI ĐIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI ĐIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK06-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Góp vốn của tổ chức, cá nhân
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên tổ chức, cà nhân góp vốn vào người nộp thuế	Quốc tịch đối với cá nhân góp vốn	Địa chỉ trụ sở của tổ chức góp vốn	Số tiền (VNĐ)	Mã số thuế (nếu có)	Số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc quyết định thành lập của tổ chức góp vốn	Số CMNĐ/ CCCĐ của cá nhân góp vốn
1							
2							
...							
Tổng cộng				x			

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI ĐIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **24/ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN
Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
2. Mã số thuế: .....
3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....
4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:.....
5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế:.....
.....
.....
6. Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

Mẫu số: **08-MST**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế

☐ Doanh nghiệp, hợp tác xã ☐ Tổ chức ☐ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ☐ Cá nhân ☐ Khác

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế:

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I- Điều chỉnh, bổ sung thông tin trên tờ khai đăng ký thuế: Ví dụ: - Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT - ..... **II- Điều chỉnh, bổ sung thông tin bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế:** Ví dụ: - Bảng kê BK02-ĐK-TCT - ...	124 Lò Đúc-Hà Nội	235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội Bổ sung đơn vị phụ thuộc ...

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.
- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.
- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

28. Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại)

- Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Trường hợp chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại:

++ Đơn vị phụ thuộc có Quyết định chuyển thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại thì đơn vị độc lập, đơn vị phụ thuộc sau chuyển đổi phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế mới trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính theo nơi nộp hồ sơ như sau:

+++ Tổ chức kinh tế và đơn vị phụ thuộc (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

+++ Tổ hợp tác, tổ chức khác, đơn vị phụ thuộc theo quy định tại Điểm b,c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

++ Đơn vị độc lập, đơn vị phụ thuộc trước chuyển đổi phải nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động theo quyết định chuyển đổi.

+ Trường hợp chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác:

++ Đơn vị độc lập có quyết định chuyển đổi phải nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động theo quyết định chuyển đổi.

++ Đơn vị phụ thuộc sau chuyển đổi phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế mới trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính theo nơi nộp hồ sơ như sau:

+++ Đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

+++ Đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác theo quy định tại Điểm c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

Đơn vị chủ quản của đơn vị phụ thuộc sau chuyển đổi phải kê khai bổ sung đơn vị phụ thuộc mới thành lập với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ Trường hợp chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác

++ Đơn vị phụ thuộc cũ phải nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động theo quyết định chuyển đổi.

++ Đơn vị phụ thuộc mới phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế mới trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính theo nơi nộp hồ sơ như sau:

+++ Đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

+++ Đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác theo quy định tại Điểm c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

Đơn vị chủ quản của đơn vị phụ thuộc sau chuyển đổi phải kê khai bổ sung đơn vị phụ thuộc mới thành lập với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ

khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận vả hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông bào cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tứ mà người nộp thuế lựa chọn lập vả gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông

tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một của liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ gồm:

++ Đối với đơn vị chủ quản, đơn vị độc lập mới thành lập sau chuyển đổi:

+++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

+++ Tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

++ Đối với đơn vị phụ thuộc mới thành lập sau chuyển đổi:

+++ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Báng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT (nếu có) ban hanh kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tải chính.

++++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bàn, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

+++ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngáy 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

++ Đối với đơn vị bị chấm dứt MST sau chuyển đổi:

+++Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tải chính;

+++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Thông báo chấm dứt hoạt động của đơn vị chủ quản, hoặc Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với đơn vị phụ thuộc của cơ quan có thẩm quyền;

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ **Đối với hồ sơ đăng ký thuế lần đầu:** 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

+ Đối với hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST:

++ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

+++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

+++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

+++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

+++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thi cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

+++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

++ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

+++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác; đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đối với hồ sơ đăng ký thuế lần đầu: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

+ Đối với hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST: Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT; Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ tài chính (Đối với đơn vị độc lập).

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ tài chính (Đối với đơn vị phụ thuộc).

+ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

+ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

+ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

+ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

+ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

+ Bàng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có).

+ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy dủ các điều kiện thực hiện giao dịch diện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sán công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: **01-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho tổ chức)

☐ Tổ chức kinh tế ☐ Tổ chức khác ☐ Tổ chức được hoàn thuế ☐ Hợp đồng dầu khí ☐ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:	ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính	**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
3a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:	4a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
3b. Phường/Xã/Thị trấn:	4b. Phường/Xã/Thị trấn:
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
3đ. Điện thoại: 3e. Fax (nếu có):	4đ. Điện thoại: 4e. Fax (nếu có):
3g. Email: 3h. Website (nếu có):	4g. E-mail:

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
5a. Số quyết định:	6a. Số:
5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):	
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %

9. Ngày bắt đầu hoạt động: .../...../.....

10. Loại hình kinh tế

☐ Công ty cổ phần	☐ Doanh nghiệp tư nhân	☐ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	☐ Tổ hợp tác
☐ Công ty TNHH 1 thành viên	☐ Công ty hợp danh	☐ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	☐ Hợp tác xã
☐ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	☐ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	☐ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	☐ Cơ quan hành chính
☐ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		☐ Đơn vị sự nghiệp công lập	☐ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh

☐ Độc lập ☐ Phụ thuộc

☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất

12. Năm tài chính	Từ ngày .../... đến ngày .../...

13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có)	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức**
13a. Mã số thuế:	14a. Họ và tên:.....
13b. Tên đơn vị đơn vị cấp trên:.....	14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../.....
	14d. Số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam):....
	14đ. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (đối với người nước ngoài):
	☐ Hộ chiếu ☐ Giấy thông hành
	☐ CMT biên giới ☐ Khác
	Số giấy tờ:.....
	Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....
	14e. Địa chỉ nơi thường trú:
	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....
	Phường/Xã/Thị trấn: .....
	Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:.....
	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....
	Quốc gia:.....
	14g. Địa chỉ hiện tại (nếu có):
	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố,

	tổ/xóm/ấp/thôn:..... Phường/Xã/Thị trấn: ..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14h. Thông tin khác: Điện thoại:.....Email:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT	☐ Khấu trừ	☐ Trực tiếp trên GTGT	☐ Trực tiếp trên doanh số	☐ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

☐ Có công ty con, công ty thành viên	☐ Có đơn vị phụ thuộc	☐ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
☐ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc	☐ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):	*17.2. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có):*
a. Họ và tên:	a. Họ vá tên:
b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:
c. Ngày tháng năm sinh:	c. Ngày tháng năm sinh:
d. Điện thoại liên lạc:	d. Điện thoại liên lạc:
đ. Email:	đ. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

☐ Chia ☐ Tách ☐ Hợp nhất ☐ Chuyển đơn vị phụ thuộc thành độc lập

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

....., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-DK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- "Tổ chức kinh tế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này .
- "Tổ chức khác": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.
- "Tổ chức được hoàn thuế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.
- "Hợp đồng dầu khí": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.
- "Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu": Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ tại chỉ tiêu 14đ và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Số điện thoại, số Fax (nếu có) ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.
- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất

liền với Việt Nam.
- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.
- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:
- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.
- Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm qnyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối vời người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:
- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng

loại nguồn vốn trong tổng số vốn).
- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).
- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh đấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô "Độc lập" hoặc "Phụ thuộc". Trường hợp tích chọn ô "Độc lập" thì tích chọn vào "Có BCTC hợp nhất" nếu thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.

13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có): Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức; trường hợp người nộp thuế là công ty con thuộc Tập đoàn, Tổng công ty thì ghi tên, mã số thuế của Tập đoàn, Tổng công ty.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ ĐNTN/người đứng đầu tổ chức: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật/người đứng đầu của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân. Trường hợp người đại diện theo pháp luật/chủ ĐNTN/người đứng đầu tổ chức là người Việt Nam thì khai số định danh cá nhân tại chỉ tiêu 14đ và không phải kê khai chỉ tiêu 14đ, 14e. Cơ quan thuế tự động tích hợp thông tin "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 14đ, 14e.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào ô tương ứng của chỉ tiêu này.

16. Thông tín về các đơn vị có liên quan:
- Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh dấu X vào ô "Có công ty con, công ty thành viên", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các công ty con, công ty thành viên" mẫu số BK01-ĐK-TCT.
- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Báng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.
- Nếu người nộp thuế có hợp đồng với nhà thầu nước ngoái, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhả thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.
- Nếu người nộp thuế có nhả thầu, nhả đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhả đầu tư dầu khi", sau đó phái kê khai vào phần "Báng kê các nhà thầu, nhả đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dấu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, số định đanh cá nhân (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế cá nhân (đối với người nước ngoài), số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức (nếu có): Nếu người nộp thuế lả tổ chức đăng ký thuế do chia/tách/hợp nhất tồ chức, hoặc chuyển từ đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập thì đánh dấu X vào một trong các ô tương ứng của chỉ tiêu này và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đó của các tổ chức bị chia, bị tách, bị hợp nhất, đơn vị phụ thuộc bị chuyển đổi.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế:

Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này (trừ trường hợp nộp hồ sơ theo phương thức điện tử). Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai đăng ký thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK01-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các công ty con, công ty thành viên

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Mã số thuế (nếu có)	Tên công ty con, công ty thành viên	Địa chỉ của công ty con, công ty thành viên	Vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên	Loại tiền (VNĐ/USĐ)	Tỷ lệ vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên (%)
I	**Công ty con**					
1						
2						
...						
II	**Công ty thành viên**					
1						
2						
...						

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI ĐIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK02-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài

BẢNG KÊ

Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có):

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập
1				
2				
...				

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**
(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập	Số nhà, đường phố (thôn/ xóm)	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
....							
....							
....							
....							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									
...									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI ĐIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khi

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI ĐIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK06-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Góp vốn của tổ chức, cá nhân
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên tổ chức, cá nhân góp vốn vào người nộp thuế	Quốc tịch đối với cá nhân góp vốn	Địa chỉ trụ sở của tổ chức góp vốn	Số tiền (VNĐ)	Mã số thuế (nếu có)	Số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc quyết định thành lập của tổ chức góp vốn	Số CMND/ CCCD của cá nhân góp vốn
1							
2							
...							
Tổng cộng				x			

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP TIIUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **02-ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế)

□ Chi nhánh □ Văn phòng đại diện □ Địa điểm kinh doanh

NNT ghi MST 10 số của đơn vị chủ quản vào các ô này										

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:	Ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính	
3a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:	
3b. Phường/Xã/Thị trấn:	
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
3d. Điện thoại:	3e. Fax (nếu có):
3g. E-mail:	3h. Website (nếu có):

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*	
4a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:	
4b. Phường/xã/Thị trấn:	
4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
4đ. Điện thoại:	4e. Fax (nếu có):
4g. E-mail:	

5. Quyết định thành lập
5a. Số quyết định:
5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp
6a. Số:
6b. Ngày cấp:.../.../.....
6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):		
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng:	%
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng:	%
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng:	%
8.4. Vốn khác:	Tỷ trọng:	%

9. Ngày bắt đầu hoạt động:...../.../....

10. Loại hình kinh tế

☐ Công ty cổ phần	☐ Doanh nghiệp tư nhân	☐ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	☐ Tổ hợp tác
☐ Công ty TNHH 1 thành viên	☐ Công ty hợp danh	☐ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	☐ Hợp tác xã
☐ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	☐ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	☐ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	☐ Cơ quan hành chính

☐ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập ☐ Đơn vị sự nghiệp công lập ☐ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh

☐ Độc lập ☐ Phụ thuộc

12. Năm tài chính	Từ ngày.../... đến ngày .../...

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đứng đầu đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh**
13a. Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐ 13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực tiếp:	☐ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của tổ chức của Việt Nam ☐ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của thương nhân nước ngoài 14a. Họ và tên:..... 14b. Chức vụ:.....14c. Sinh ngày: .../.../.... 14d. Số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam):..... 14đ. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (đối với người nước ngoài): ☐ Hộ chiếu ☐ Giấy thông hành ☐ CMT biên giới ☐ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp: ..... 14e. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

	Phường/xã/Thị trấn:..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14g. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... Phường/Xã/Thị trấn:..... Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14h. Thông tin khác Điện thoại:.....Email:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT

□ Khấu trừ □ Trực tiếp trên GTGT □ Trực tiếp trên doanh số □ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc | □ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài | □ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc (nếu có):	*17.2. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có):*
a. Họ và tên:	a. Họ và tên:
b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:
c. Ngày tháng năm sinh:	c. Ngày tháng năm sinh:
d. Điện thoại liên lạc:	d. Điện thoại liên lạc:
đ. Email:	đ. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có)

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

□ Chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác

□ Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của đơn vị chủ quản khác

Mã số thuế trước khi tổ chức lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 02-DK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Số điện thoại, số Fax (nếu có) thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.
- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.
- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.
- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.
- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp vả cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với

người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).
Riêng thông tín "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).
7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).
Lưu ý: chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.
8. Vốn điều lệ: Nếu trên Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp có vốn thì ghi (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn), nếu không có vốn thì để trống thông tin này.
9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.
10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.
11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh đấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.
12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, thàng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.
13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị chủ quản hoặc đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý dơn vị phụ thuộc.
14. Thông tin người đứng dầu đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh: Kê khai thông tin chi tiết của người đứng đầu đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của tổ chức. Trường hợp người đứng đầu đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh là người Việt Nam thì khai số định danh cá nhân tại chỉ tiêu 14d và không phải kê khai chỉ tiêu 14đ, 14e. Cơ quan thuế tự động tích hợp thông tin "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 14đ, 14e.
15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào ô tương ứng của chỉ tiêu này.
16. Thông tin về các đơn vị liên quan:
- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.
- Nếu người nộp thuế có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì

đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhả thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế cá nhân (đối với người nước ngoài), số điện thoại liên lạc và email của Giám đốc và Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức (nếu có): Nếu người nộp thuế đăng ký thuế do chia/tách/hợp nhất tổ chức, hoặc chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác, hoặc chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của đơn vị chủ quản khác thì đánh dấu X vào một trong các ô tương ứng của chỉ tiêu này và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đó của đơn vị phụ thuộc của các tổ chức kinh tế bị chia, bị tách, bị hợp nhất, đơn vị bị chuyển đổi.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế: Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này (trừ trường hợp nộp hồ sơ theo phương thức điện tử). Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai đăng ký thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **24/ĐK-TCT**

(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN
Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
2. Mã số thuế: .....
3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....
4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:.....
5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế:.....
.....
.....
6. Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.